



CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM
282 Lê Văn Sỹ, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
ĐT : 08.38442414 – 08.39911945 – Fax : 08.38442387
Email : southernseed@hcm.vnn.vn



DANH MỤC TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2013

TT	Danh mục tài liệu
1	Chương trình ĐHĐCĐ thường niên 2013
2	Báo cáo Hội đồng quản trị năm 2013
3	Báo cáo của Tổng Giám đốc năm 2013
4	Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2013
5	Tờ trình phân phối lợi nhuận, trích lập quỹ, chi trả cổ tức năm 2013
6	Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập quỹ, chi trả cổ tức năm 2014
7	Tờ trình báo cáo kết quả chi trả thù lao của HĐQT & BKS năm 2013 và phương án chi trả thù lao năm 2014
8	Tờ trình Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm Tổng Giám đốc
9	Tờ trình ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập
10	Báo cáo Tài chính 2013 tóm tắt
	– Báo cáo tài chính hợp nhất
	– Báo cáo tài chính Công ty mẹ



CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM
 282 Lê Văn Sỹ, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
 ĐT : 08.38442414 – 08.39911945 – Fax : 08.38442387
 Email : southernseed@hcm.vnn.vn



CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2013 (26/04/2014)

TT	Thời gian	Nội dung	Thực hiện
1	7: 30 – 8:30	- Đăng ký cổ đông, tiếp đón khách mời; - Khai mạc Đại hội (báo cáo tỷ lệ cổ đông tham dự, giới thiệu khách mời, chương trình Đại hội; đề cử Chủ tọa đoàn, Thư ký)	Ban Tổ chức Nguyễn Tiến Hiệp UV. HĐQT
	8 :30 – 9 :45	- Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2013 - Báo cáo về kết quả hoạt động SXKD - ĐT và XDCB năm 2013 và kế hoạch SXKD- Đầu tư & XDCB – TC năm 2014, - Báo cáo Ban Kiểm soát năm 2013 Báo cáo xác nhận của Công ty kiểm toán E & Y về Báo cáo tài chính 2013: (i) Công ty hợp nhất (ii) Công ty mẹ - Tờ trình phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2013 & Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, chi trả cổ tức năm 2014; - Tờ trình Báo cáo kết quả chi trả thù lao cho HĐQT và BKS năm 2013 & Phương án chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2014. - Tờ trình ủy quyền cho HĐQT chọn đơn vị Kiểm toán độc lập năm 2014; - Tờ trình Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty	Hàng Phi Quang CT. HĐQT Hàng Phi Quang TGD Nguyễn Hoàng Công TBKS Đại diện E &Y Nguyễn Tiến Hiệp UV. HĐQT Nguyễn Tiến Hiệp UV. HĐQT Nguyễn Tiến Hiệp UV. HĐQT PCT. HĐQT Nguyễn Thanh Tùng
	9: 45 -10: 40	- Thảo luận các báo cáo - Biểu quyết các vấn đề HĐQT trình ĐHĐCĐ	Chủ tọa đoàn
3	10:40 – 11:00	Nghỉ giải lao (20') Ban Kiểm phiếu làm việc	
	11:00 – 11 :30	- Công bố kết quả biểu quyết các vấn đề ĐHĐCĐ thông qua - Thông qua dự thảo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2013 ;	Ban Kiểm phiếu Chủ tọa đoàn
5	Từ sau 11:30	- Bế mạc ĐHĐCĐ;	Ban tổ chức

CÔNG TY CỔ PHẦN
GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----o0o-----

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 4 năm 2014

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2013, PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2014

I/ BÁO CÁO CỦA HĐQT ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG

1. Hoạt động của HĐQT trong năm

Hội đồng quản trị đã hoạt động đúng quy định của pháp luật và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Năm 2013 đã tổ chức 05 phiên họp định kỳ, để ban hành nghị quyết nhằm cụ thể hóa Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/4/2013 của Đại hội đồng cổ đông;

Hội đồng quản trị hoạt động thảo luận việc điều chỉnh chiến lược công ty giai đoạn còn lại của nhiệm kỳ 2010-2014, đề ra các chủ trương đúng đắn cho công ty hoạt động đúng hướng và có hiệu quả, thực sự là cơ quan quản lý công ty, thực hiện tốt chức năng giám sát, chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc trong quá trình thực hiện.

Trong năm SSC đã tổ chức 5 cuộc họp HĐQT và ban hành 10 Nghị quyết HĐQT với nội dung tóm tắt như sau :

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	14/3/2013	Thông qua việc miễn nhiệm Giám đốc Kinh doanh
2	02/NQ-HĐQT	28/3/2013	Thông qua kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2012 của SSC
			Thông qua các giải pháp tăng cường nguồn nhân lực, tái cơ cấu tổ chức Công ty.
			Thảo luận thành lập Công ty con kinh doanh hạt giống rau
			Thông qua kế hoạch SXKD- Tài chính, Đầu tư XD CB năm 2013 của SSC
			Phê chuẩn việc bổ nhiệm Quyền Giám đốc Kinh doanh theo tờ trình của Tổng Giám đốc
			Thông qua kế hoạch chi trả cổ tức đợt 2/2012
			Thông qua việc đề cử nhân sự HĐQT và BKS của Bắc Nghệ An tại ĐHĐCĐ nhiệm kỳ 2013-2015, tổ chức ngày 30/3/2013
			Thông qua tiến độ thực hiện phương án xử lý Công ty SSE
3	03/NQ-HĐQT	28/3/2013	Thảo luận công tác tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2012 (ngày 26/4/2013)
3	03/NQ-HĐQT	28/3/2013	Phê duyệt đơn giá tiền lương năm 2013
4	04/NQ-HĐQT	18/5/2013	Thông qua kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh 4 tháng đầu năm 2013 của SSC
			Xem xét đề xuất của Hội đồng cố vấn về việc thành lập Công ty rau
			Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2013 do Ban Kiểm soát đề xuất

			Báo cáo tình hình thực hiện ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với Doanh nghiệp khoa học công nghệ Báo cáo việc Tiếp cận quỹ VBCF (Quỹ Thách thức doanh nghiệp Việt Nam) của Anh Quốc Thông qua hạn mức tín dụng : Ngân hàng Công thương Việt Nam (VietinBank), Ngân hàng Standard Chartered và các ngân hàng có lãi suất thấp Báo cáo chuyển công tác khảo sát thị trường Campuchia của HĐQT Xem xét mua cơ sở vật chất của Công ty cổ phần Giống cây trồng Thái Thụy để làm Trại nghiên cứu giống tại Thái Bình Đề xuất các phương án nhân sự của SSC:
5	05/NQ-HĐQT	30/8/2013	Thông qua kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh 8 tháng đầu năm 2013 của SSC Thông qua điều chỉnh quy hoạch địa điểm đầu tư Nhà máy chế biến hạt giống Trà Vinh Thông qua nội dung Hợp đồng liên doanh & Điều lệ Công ty liên doanh SSC-DaeWon & nội dung liên quan Thành lập Văn phòng Đại diện Lào và bổ nhiệm Trưởng Văn phòng Đại diện Lào Thông qua việc thành lập Chi nhánh Trung tâm Giống Rau Hoa – SSC và bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh
6	06/NQ-HĐQT	30/8/2013	Miễn nhiệm nhân sự thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị quản lý
7	07/NQ-HĐQT	30/8/2013	Chi trả cổ tức bằng tiền mặt đợt 2/2012
8	08/NQ-HĐQT	16/12/2013	Chi trả cổ tức bằng tiền mặt đợt 1/2013
9	09/NQ-HĐQT	16/12/2013	Thông qua kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh 11 tháng đầu năm 2013 của SSC, Thông qua việc điều chỉnh quy hoạch địa điểm đầu tư nhà máy chế biến hạt giống Trà Vinh Đánh giá hoạt động của Hội đồng cố vấn (HĐCV) và gia hạn hợp đồng chuyên gia
10	10/NQ-HĐQT	16/12/2013	Phê duyệt đơn giá tiền lương năm 2014

2. Hoạt động của các tiểu ban

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Tiểu Ban Chính sách Phát triển

Ông Nguyễn Quốc Vọng

Ủy viên. HĐQT - Trưởng Tiểu ban

Ông Hàng Phi Quang

Chủ tịch HĐQT - Thành viên

Tiểu Ban Kiểm toán Nội bộ

Ông Quốc Hồ Đình Tuấn

Ủy viên HĐQT - Trưởng Tiểu ban

Ông Nguyễn Thanh Tùng

Phó Chủ tịch HĐQT - Thành viên

Tiểu Ban Nhân sự - Lương thưởng

Ông Nguyễn Thanh Tùng

Phó Chủ tịch HĐQT - Trưởng Tiểu ban

Ông Nguyễn Tiến Hiệp

Ủy viên HĐQT - Thành viên

Tiểu ban Chính sách Phát triển

- Thảo luận và đề xuất các ý kiến, các nội dung liên quan đến Kế hoạch SXKD, Đầu tư, tài chính, mua sắm thiết bị năm 2013;
- Thảo luận về kế hoạch SXKD năm 2013 của Công ty cổ phần Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bắc Nghệ An, thủ tục giải thể/phá sản Công ty cổ phần Cơ khí;
- Thảo luận việc mua tài sản thanh lý của Công ty cổ phần Bông vải miền Trung, Công ty liên doanh Hạt giống Đông Tây;
- Khảo sát đánh giá thị trường Campuchia, định hướng chiến lược phát triển;
- Tiếp cận quỹ VBCF (Quỹ Thách thức doanh nghiệp Việt Nam) của Anh Quốc;
- Xúc tiến thành lập Ban Trù bị để chuẩn bị các điều kiện thành lập Công ty con Kinh doanh hạt giống Rau;
- Thảo luận mua cơ sở nghiên cứu giống của Công ty cổ phần Giống cây trồng Thái Thụy;
- Thảo luận việc ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với Doanh nghiệp khoa học công nghệ;
- Thảo luận điều chỉnh Dự án Đầu tư Nhà máy Chế biến hạt giống Trà Vinh;
- Thảo luận thành lập Chi nhánh Trung tâm Giống Rau Hoa-SSC;
- Thảo luận thành lập Văn phòng Đại diện Lào;
- Thảo luận việc mua bản quyền một số giống mới phục vụ cho kinh doanh;

Tiểu Ban Kiểm toán Nội bộ

- Thảo luận lựa chọn Công ty kiểm toán để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2013;
- Đánh giá hạn mức vay tín dụng với các ngân hàng: Nông nghiệp, VietinBank, HSBC, SinhanBank; VPBank, ANZ.
- Thảo luận chính sách, hạn mức tín dụng đối với các đại lý của SSC;
- Thảo luận kế hoạch chi trả cổ tức đợt 2/2012 & kế hoạch chi trả cổ tức đợt 1/2013.

Tiểu Ban Nhân sự - Lương thưởng :

- Thảo luận đơn giá tiền lương năm 2013;
- Thảo luận về bổ nhiệm, miễn nhiệm nhân sự cấp trung của SSC: Giám đốc Kinh doanh, Giám đốc Chi nhánh Trung tâm Giống Rau hoa, Giám đốc Quản lý Chất lượng; Giám đốc Nhân sự Hành chính, Giám đốc Chi nhánh Trại Lâm Hà; Trưởng Văn phòng Đại diện Lào;
- Đề cử thay đổi người đại diện phần vốn của SSC tại Công ty cổ phần Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bắc Nghệ An;
- Thảo luận việc đề xuất ĐHĐCĐ bầu thay thế thành viên BKS (Ủy viên Lê Quang Hồng bị điều chỉnh bởi Thông tư 121/2012/TT-BCT, ngày 26/7/2012);
- Thảo luận việc điều chỉnh thu nhập cho CBNV làm việc tại Chi nhánh Campuchia;

- Thảo luận Dự án tái cấu trúc cơ cấu tổ chức, đánh giá nhân sự quản lý của Công ty;
- Xây dựng việc thay đổi Điều lệ Công ty theo Thông tư 121/2012/TT-BTC, ngày 27/06/2012, xây dựng Quy chế quản trị Công ty;
- Thảo luận hoạt động và nhân sự của Hội đồng cổ vấn;
- Thảo luận đơn giá tiền lương năm 2014

Danh sách thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo

Họ và tên	Chức vụ	Chứng chỉ	Ngày cấp
Ông Hàng Phi Quang	Chủ tịch HĐQT	Chứng chỉ đào tạo Công ty số 62/QTCT	19/09/2013
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Phó chủ tịch HĐQT	Chứng chỉ đào tạo Công ty số 77/QTCT	19/09/2013
Ông Nguyễn Tiến Hiệp	Ủy viên HĐQT	Chứng chỉ đào tạo Quản trị Công ty và cơ chế kiểm soát số 05525/2012/PACE-CC do PACE & IFC cấp	23/5/2012
Ông Quốc Hồ Đình Tuấn	Ủy viên HĐQT	Chứng chỉ đào tạo Quản trị Công ty	2012

II Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch

Trong năm 2013 Công ty đạt một số thành quả và tiến bộ trong hoạt động SXKD. Tuy nhiên, do bị tác động bởi những khó khăn của nền kinh tế, thị trường giống, biến đổi thời tiết khí hậu và một số nguyên nhân do chủ quan, nên kết quả thực hiện năm 2013 không đạt mức kỳ vọng:

TT	Các Chỉ Tiêu	ĐVT	Kế hoạch	TH 2013	CK 2012	TH/KH (%)	TH/CK (%)
1	Doanh thu	Tỷ đồng	742.173	603.081	459.169	81.25%	131.34%
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	91.068	76.999	67.807	84.55%	113.55%
3	Tổng Tài Sản	Tỷ đồng		468.093	424.017		110.39%
4	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng		300.442	267.716		112.22%
5	EPS	đồng		5.136	4.522		113.57%

Kết quả hoạt động cho thấy SSC vẫn duy trì xu hướng tăng trưởng chung so với các năm trước với tốc độ tăng trưởng doanh thu đạt 31%, cao hơn mức tăng trưởng năm 2012 (19%). Tuy nhiên, do sự tăng thêm của doanh thu không đủ bù đắp sự tăng thêm của các chi phí hoạt động nên lợi nhuận trước thuế của Công ty có sự sụt giảm nhẹ so với cùng kỳ và không đạt mức kế hoạch đề ra.

Hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản trong năm

	Kế hoạch 2013 (Triệu đồng)	Thực hiện 2013 (Triệu đồng)	% Kế hoạch
Tổng cộng	53.727,57	44.481,29	82,79%

Kế hoạch đầu tư của Công ty chỉ hoàn thành 82,79% chủ yếu là do vướng mắc liên quan đến đất đai, thủ tục hành chính của Dự án Trà Vinh.

Những mặt được

- ☒ **Kết quả kinh doanh chung:** duy trì sự tăng trưởng so với cùng kỳ
- ☒ **Tình hình tài chính, đầu tư:** SSC đã đầu tư xây dựng cơ bản với tổng giá trị đầu tư 44,5 tỷ đồng, đạt 82,7% kế hoạch
- ☒ **Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới:** tiếp tục đạt nhiều thành quả trong (i) *công tác nghiên cứu công nghệ sinh học* như tìm ra phương pháp thanh lọc kháng bệnh lá lúa, hoàn thiện quy trình định danh virus trên cây rau, tăng khả năng tạo phân bón từ vật liệu bắp; nuôi cấy túi phấn lúa thuần và lúa lai, tạo được một dòng phân tử bột, Hoàn thành qui trình xác định gen thơm và gen kháng bạc lá lúa...(ii) *Nghiên cứu lúa:* Thực hiện 3 thí nghiệm khảo sát đánh giá tập đoàn lúa lai và lúa đột biến, lai tạo 150 cặp lai ngắn ngày...(iii) *Nghiên cứu cây màu:* xác định giống có triển vọng, vv...(iv) *Đã chọn tạo và công nhận nhiều giống mới phù hợp với thị trường.*

Những mặt còn hạn chế

- ☒ **Về thực hiện kế hoạch:** chưa hoàn thành kế hoạch về doanh thu, lợi nhuận trước thuế; và chỉ tiêu đầu tư:
 - + Doanh thu chỉ đạt 82% kế hoạch;
 - + Lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 85% kế hoạch;
 - + Đầu tư xây dựng cơ bản chỉ đạt 83% kế hoạch.
- ☒ **Tổ chức sản xuất:**
 - + Chưa có cơ chế giao khoán cũng như chính sách khen thưởng phù hợp để khuyến khích tăng năng suất lao động;
 - + Hoạt động giám sát đối với các đơn vị sản xuất, chế biến bảo quản...chưa thực sự chặt chẽ.
- ☒ **Nhân sự - lao động:**
 - + Tình trạng biến động nhân sự vẫn cao, đặc biệt là đối với nhân sự quản lý cấp trung;
 - + Năng suất lao động chưa tương xứng với tiềm năng, tác phong lao động chưa chuyên nghiệp.

III. ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm 2013 Ban Tổng Giám đốc là những người có trình độ chuyên môn cao, tinh thần trách nhiệm, và có kỹ năng quản lý điều hành, đã cùng với Hội đồng quản trị dẫn dắt SSC có được những thành công đáng kể như: Huân chương Độc lập Hạng III; Top 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất; Top 10 Công ty Việt Nam có vốn dưới 1 tỷ USD tốt nhất Châu Á; Sao Vàng đất Việt; Thương hiệu mạnh năm 2013; Thương hiệu Việt uy tín.

Trong bối cảnh kinh tế khó khăn năm 2013, Ban Tổng Giám đốc đã vượt qua mọi khó khăn, trở ngại, hoàn thành cơ bản nhiệm vụ được giao. Dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Ban Tổng

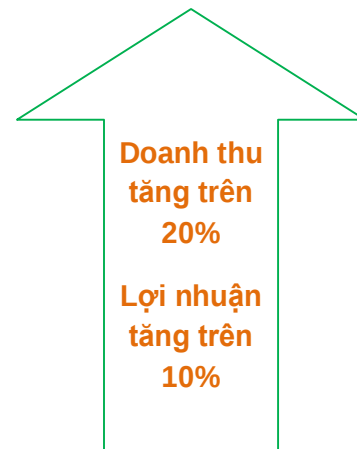
Giám đốc đã tuân thủ Điều lệ Công ty và các qui định Nhà nước, chấp hành việc triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên, Nghị quyết HĐQT 2013; kịp thời báo cáo thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thường xuyên trao đổi với Hội đồng quản trị để đưa ra một số giải pháp, quyết sách phù hợp và kịp thời đối phó với khó khăn, thách thức. Dù cho kết quả kinh doanh chưa đạt được kỳ vọng như kế hoạch đã đề ra: Doanh thu thuần đạt 82% so với kế hoạch, Lợi nhuận sau thuế đạt 85% so với kỳ vọng đầu năm, nhưng đã có tăng trưởng so với cùng kỳ. Thành quả đạt được cũng thể hiện sự cố gắng, nỗ lực của Ban Lãnh đạo Công ty nói riêng và tập thể cán bộ, nhân viên nói chung.

IV. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH, ĐẦU TƯ XDCB NĂM 2014

A. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- ◆ Duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu hàng năm trên 20%, tăng trưởng lợi nhuận hàng năm trên 10%.
- ◆ Giữ thị phần trong nước: bắp lai trên 20%; lúa lai trên 10%, hạt giống rau trên 5%.
- ◆ Từng bước phát triển thị trường lúa lai, hạt rau lai đạt hiệu quả kinh doanh cao qua việc chủ động tăng cường hoạt động nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh.
- ◆ Đa dạng hoá mặt hàng và sản phẩm giống, vật tư nông nghiệp.



Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- ◆ Tăng cường nguồn nhân lực, cơ sở vật chất kỹ thuật cho công tác nghiên cứu, sản xuất và chế biến nhằm chọn tạo nhiều giống tốt, nâng cao chất lượng và đa dạng hoá chủng loại sản phẩm;
- ◆ Tăng cường hợp tác với các cơ quan nghiên cứu, Viện, Trường trong và ngoài nước về ứng dụng công nghệ sinh học tiên tiến, chọn tạo nguồn giống bố mẹ chất lượng cao để sản xuất trong nước;
- ◆ Tăng cường hợp tác trong sản xuất, kinh doanh bán hạt giống, duy trì và phát triển thị phần trong nước bằng cách tăng cường tiếp thị, trình diễn và bán hàng chuyên nghiệp, đồng thời mở rộng thị trường sang Lào và Cambodia, Myanmar;
- ◆ Triển khai dự án Tổ hợp Chung cư – Thương mại – Văn phòng Daewon – SSC tại 282 Lê Văn Sỹ.
- ◆ Hợp tác phân phối độc quyền một số giống bắp lai, giống rau của công ty Dekalb thuộc tập đoàn Monsanto (USA) để tăng doanh thu và thị phần và sẽ tiến đến việc hợp tác sâu hơn trong lĩnh vực sản xuất và nghiên cứu;

- ◆ Chú trọng việc mua bản quyền giống để đa dạng sản phẩm và tăng trưởng doanh thu hạt giống.

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

- ◆ **Đối với hoạt động sản xuất:** Quy trình sản xuất sản phẩm hạt giống, không gây ô nhiễm và thân thiện với môi trường;
- ◆ **Đối với người lao động:** Công ty đặc biệt quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của người lao động trong Công ty, tạo môi trường làm việc thân thiện, xanh, sạch. Tuân thủ các quy định của Pháp luật hiện hành đối với người lao động. Đặc biệt, Công ty luôn đặt sự an toàn sản xuất lên hàng đầu, đảm bảo người lao động được trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ lao động cần thiết trong quá trình sản xuất;
- ◆ **Đối với khách hàng:** Khách hàng chính của SSC là người nông dân, do đó, Công ty luôn tiếp cận sâu sát, hướng hoạt động sản xuất của Công ty đến nhu cầu chung của người nông dân, làm người bạn đồng hành cùng nông dân qua mỗi mùa vụ...;
- ◆ **Đối với Nhà đầu tư/Cổ đông hiện hữu của Công ty:** SSC luôn công khai minh bạch thông tin theo đúng các quy định của luật chứng khoán, thị trường chứng khoán cũng như đáp ứng thông tin được truyền tải đầy đủ đến Nhà đầu tư.

B. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG

- Tiến hành công tác tái cấu trúc cơ cấu tổ chức và xây dựng nguồn nhân lực phù hợp, tập trung vào các mảng hoạt động hiện đang còn bất cập như marketing, logistic, Sản xuất - chế biến bảo quản và đào tạo...: Hoàn thiện và tăng cường công tác tuyển dụng và đào tạo để nâng cao chất lượng nhân lực; xây dựng phương án khoán, thưởng một số đơn vị/ bộ phận bao gồm nghiên cứu (khen thưởng đối với tác giả chọn tạo hoặc đánh giá đề xuất chọn giống có triển vọng kinh doanh), kinh doanh (khoán lương, công tác phí), sản xuất-chế biến bảo quản (sản phẩm có chất lượng vượt tiêu chuẩn và duy trì trong thời gian tối thiểu). Cải tiến, xây dựng chế độ lương thưởng theo hướng trả lương theo chất lượng công việc và khuyến khích thu hút nhân tài, đào tạo bồi dưỡng cán bộ kế cận, đáp ứng yêu cầu nhân lực của công ty phát triển bền vững trong tương lai;
- Đẩy mạnh hoạt động khảo nghiệm đánh giá và chọn giống; thúc đẩy tiến độ phóng thích và công nhận giống; củng cố công tác phát triển sản phẩm mới, trong đó chú ý sản phẩm chủ lực có năng lực cạnh tranh. Hoàn thiện quy trình phát triển sản phẩm triển vọng, tăng cường phối hợp giữa bộ phận nghiên cứu và phát triển sản phẩm.
- Tăng cường công tác marketing; công tác phát triển sản phẩm mới, cải tiến công tác trình diễn hội thảo; chuyên môn hóa hoạt động quảng bá sản phẩm & thương hiệu. Xây dựng bộ phận phát triển theo nhóm sản phẩm trong các đơn vị kinh doanh; củng cố quan hệ đại lý, đẩy mạnh công tác bán hàng đối với các nhóm sản phẩm chủ lực của công ty; chuyên nghiệp hoạt động phân phối các sản

phẩm độc quyền, đặc biệt quan tâm đến việc phát triển thị trường các tỉnh miền Bắc, Lào và Campuchia.

- Tập trung công tác quy hoạch vùng sản xuất phù hợp với nguồn lực và nhu cầu kinh doanh nhằm bảo đảm đủ số lượng và chất lượng. Tăng cường quản lý và giám sát chất lượng sản phẩm; củng cố uy tín thương hiệu dựa trên chất lượng sản phẩm và dịch vụ.
- Đầu tư và cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất phù hợp nhu cầu sản xuất kinh doanh bảo đảm đúng mục tiêu và có hiệu quả. Những công trình có vốn đầu tư lớn cần phải phân kỳ hợp lý.
- Tăng cường công tác quản lý tài chính và công tác quản lý điều hành ở các cấp bảo đảm thực hiện đúng quy định.
- Xây dựng Phương án tái cấu trúc công ty về tất cả các mặt: chiến lược nghiên cứu, kinh doanh, tài chính, nhân sự... theo hướng khai thác chuỗi giá trị gia tăng, mở rộng quy mô công ty;
- Hoàn thiện hệ thống quy chế quản trị nội bộ công ty, quản trị rủi ro, quan hệ nhà đầu tư (IR);
- Củng cố tăng cường công tác quản lý, kiểm soát công ty con hiệu quả.
- Đẩy mạnh việc ứng dụng Công nghệ thông tin vào toàn bộ hoạt động Công ty

1. MỤC TIÊU 2014 :

STT	Nội dung	ĐVT	Mục tiêu 2014
1	Doanh thu	Tỷ	705,165
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ	94,411
3	ROE	%	27,97
4	ROA	%	18,28
5	EPS	Đồng	6.297
6	Cổ tức bằng tiền mặt	%	25

(Ghi chú : năm 2014 được ưu đãi thuế Thu nhập doanh nghiệp đối với DNKHCN)

2. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2014

(ĐVT : triệu đồng)

STT	Tên dự án đầu tư	Đầu tư năm 2014		Nguồn vốn đầu tư
		Triệu USD	Triệu đồng	
1	Trung tâm Thương mại 282 Lê Văn sỹ	30.00		Giá trị đất + vốn góp của đối tác
2	Trại GCT Cờ Đỏ		1.914,85	Vốn chủ sở hữu
3	Trại GCT Lâm Hà		75.00	Vốn chủ sở hữu
4	Trung tâm Nghiên cứu GCT Miền Nam (SRC)		1.220,00	Vốn chủ sở hữu
5	Trạm GCT Củ Chi		1.550,00	Vốn chủ sở hữu
6	Trạm GCT Cai Lậy		790.00	Vốn chủ sở hữu
7	Chi nhánh Hà Nội		7.155,00	Vốn chủ sở hữu
8	Chi nhánh Miền Trung		705.00	Vốn chủ sở hữu

9	Chi nhánh Tây Nguyên		290.00	Vốn chủ sở hữu
10	Nhà máy Trà Vinh		14.472,00	Vốn chủ sở hữu + VBCF
11	Trung tâm Giống Rau Hoa (CVF)		1.492,73	Vốn chủ sở hữu
12	Trụ sở chính Công ty		6.920,00	Vốn chủ sở hữu
	Tổng cộng		36.584,58	
		30.00		

Tổng vốn đầu tư năm 2014 là **36,584 tỷ đồng** nhằm hình thành Văn phòng Chi nhánh Hà nội, Nhà máy chế biến hạt giống Trà Vinh và mua bản quyền giống kinh doanh, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất Trạm, Trại và chuẩn bị khởi công Dự án 282 Lê Văn Sỹ. HĐQT và Tổng Giám đốc sẽ triển khai thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty, các quy định hiện hành của nhà nước về đầu tư xây dựng, đảm bảo sử dụng vốn đúng mục đích, hiệu quả.

Kết luận : Năm 2013 Công ty mặc dù chưa đạt được theo kỳ vọng ở doanh thu nhưng vẫn đảm bảo tăng trưởng so với cùng kỳ. Đồng thời với nỗ lực quyết tâm của HĐQT, Ban Điều hành Công ty, SSC cũng đã tiếp tục củng cố cơ sở vật chất, từng bước thâm nhập thị trường các nước trong khu vực, tích cực thực hiện các hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, tăng cường công tác quản lý chất lượng và hoàn thiện công tác quản trị nhằm đảm bảo cho Công ty phát triển ổn định và bền vững trong tương lai.

Những thành quả trên có được là nhờ nỗ lực của toàn thể CBNV Công ty, sự chỉ đạo Bộ NN & PTNT, sự ủng hộ của các cổ đông, sự hợp tác, hỗ trợ của các ban ngành, đoàn thể, đơn vị đối tác, khách hàng, nhà cung ứng, các cơ quan thông tin đại chúng cũng đã góp phần đáng kể cho sự phát triển ổn định của Công ty trong năm qua.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin chân thành cảm ơn toàn thể quý vị và tin tưởng rằng quý vị sẽ tiếp tục đóng góp, hỗ trợ và hợp tác với Công ty trong thời gian tới.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



CÔNG TY CỔ PHẦN
GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----o0o-----

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 4 năm 2014

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2013 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2014

PHẦN I : KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2013

I/ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kinh tế năm 2013 vẫn còn nhiều bất ổn và biến động phức tạp. Tăng trưởng kinh tế của các nước thuộc khu vực đồng tiền chung châu Âu rất mờ nhạt. Khủng hoảng tài chính và khủng hoảng nợ công ở châu Âu chưa hoàn toàn chấm dứt. Mặc dù có một vài dấu hiệu tích cực cho thấy các hoạt động kinh tế đang phục hồi trở lại sau suy thoái nhưng triển vọng kinh tế toàn cầu nhìn chung chưa vững chắc, nhất là đối với các nền kinh tế phát triển. Việc tạo công ăn việc làm được xem là một thách thức lớn của các nước phát triển.

Những yếu tố không thuận lợi đó từ thị trường thế giới tiếp tục ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội Việt Nam. Bức tranh tổng thể nền Kinh tế trong nước vẫn cho thấy còn rất nhiều khó khăn, bất cập chưa được giải quyết gây áp lực lớn cho sản xuất kinh doanh. Nông nghiệp Việt Nam tuy duy trì tăng trưởng ổn định nhưng vẫn tồn tại nhiều vấn đề của nền sản xuất tiểu điền, quy mô nhỏ, năng suất thấp, giá nông sản không ổn định... cần khẩn tiến hành tái cấu trúc

Biến đổi khí hậu ngày càng khắc nghiệt, ảnh hưởng và tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất nông nghiệp.

a. Thuận lợi

- Uy tín, vị thế của SSC ngày càng được khẳng định: Trong năm qua, SSC đã nhận nhiều giải thưởng quan trọng: Huân chương Độc Lập hạng III, Top 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất, **Top 10 Công ty Việt Nam có vốn dưới 1 tỷ USD tốt nhất Châu Á** (*Tạp chí Forbes bình chọn năm 2013*); Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt, Giải thưởng Nhà quản lý xuất sắc thời kỳ đổi mới cho Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, Thương hiệu mạnh năm 2013, Top 1.000 doanh nghiệp nộp thuế cao nhất.
- Cơ chế, chính sách quản lý kinh doanh thông thoáng. Với định hướng chiến lược phát triển lâu dài, được sự ủng hộ của Hội đồng quản trị, SSC đầu tư mạnh cho nghiên cứu, mua bán quyền giống góp phần thúc đẩy nhanh ra sản phẩm mới.

- Đẩy mạnh quan hệ hợp tác với một số công ty lớn như Monsanto, Long Bình Tứ Xuyên, Nongwoo-Bio, Forward.... Nhờ đó, một số sản phẩm của SSC được mở rộng tiêu thụ ở thị trường.
- Xây dựng tốt hơn các mối quan hệ với cơ quan, chính quyền giúp khai thác các chính sách nhà nước để bán hàng, tham gia vào các chương trình trợ giá trợ cước.
- Vùng nguyên liệu được mở rộng, ổn định quanh năm. Công suất kho, sấy, chế biến được tăng cường do được đầu tư xây dựng, lắp đặt thiết bị mới hằng năm.

b. Khó khăn

- Nhân sự quản lý cấp trung biến động mạnh ảnh hưởng đến công tác quản lý, điều hành tại các đơn vị.
- Còn thiếu những sản phẩm mới có tính vượt trội và khác biệt. Thêm vào đó doanh thu một số sản phẩm cũ suy giảm ảnh hưởng đến thị phần của SSC.
- Giá thành đầu vào tăng trong khi giá bán một số mặt hàng giảm, chiết khấu tăng đã làm giảm tổng giá trị thuần của Công ty.
- Thị trường vốn khó khăn, khả năng thanh khoản thấp, áp lực công nợ gia tăng.
- Giá nông sản giảm dẫn đến sự thay đổi cơ cấu sản phẩm và mùa vụ nên khó đáp ứng đúng chủng loại giống cũng như khó dự báo thị trường.
- Vẫn còn thiếu kho bãi và năng lực chế biến, đóng gói hạt giống làm chậm cung ứng hàng hoá, đặc biệt là vào thời gian chính vụ.

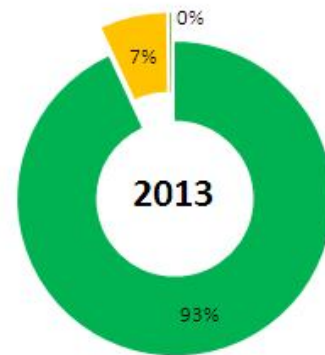
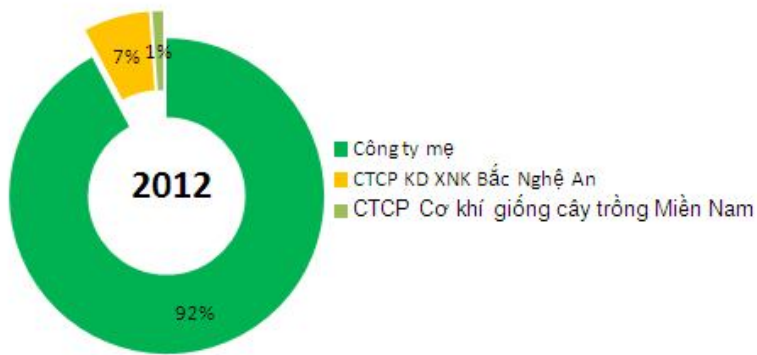
III/ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM 2013

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (BÁO CÁO HỢP NHẤT)

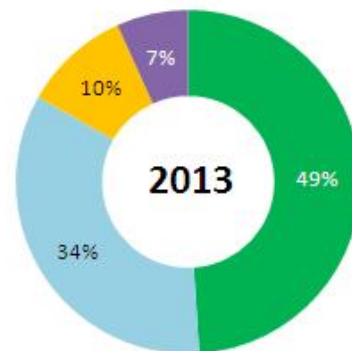
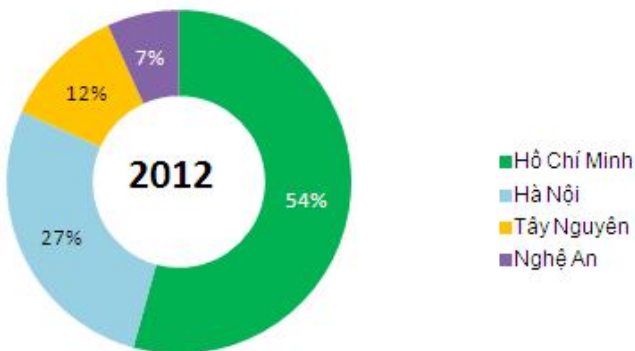
Chỉ tiêu	Thực hiện 2012 (Tr.đồng)	Thực hiện 2013 (Tr.đồng)	Kế hoạch 2013 (Tr.đồng)	So sánh thực hiện 2013/2012 (%)	So sánh với Kế Hoạch 2013 (%)
Doanh thu thuần	459.169	603.081	742.173	31%	81%
Lợi nhuận gộp	148.790	160.733		7%	
Lợi nhuận trước thuế	80.255	77.337	97.134	-4%	80%
Lợi nhuận sau thuế	67.807	76.999	91.068	14%	85%

(Trong đó : Doanh thu của SSC : 598,275 tỷ và lợi nhuận sau thuế 78,198 tỷ).

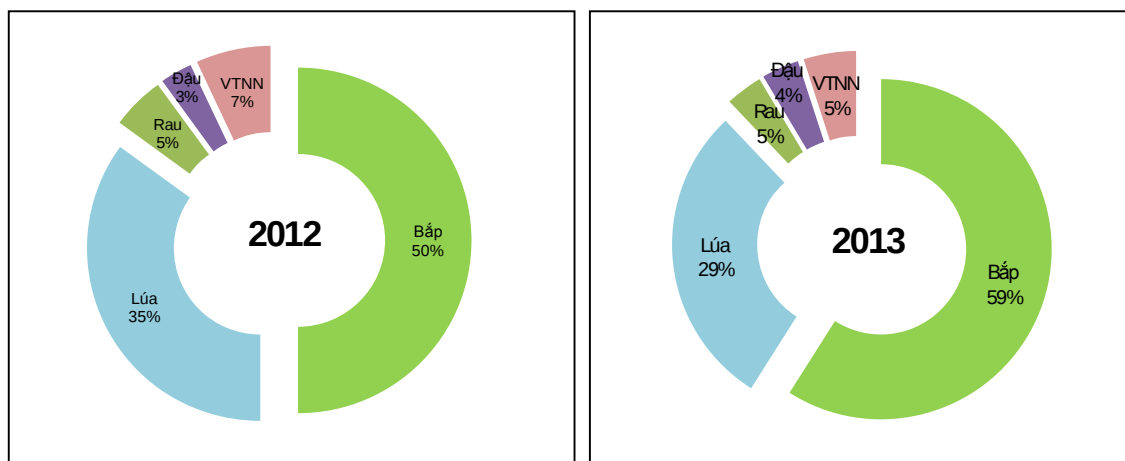
Cơ cấu doanh thu hợp nhất



Cơ cấu doanh thu theo bộ phận



Cơ cấu doanh thu theo sản phẩm:



Về doanh thu

Nhìn chung, trong năm 2013 Công ty đạt một số thành quả và tiến bộ trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, do bị tác động bởi những khó khăn của nền kinh tế, thị trường giống, biến đổi thời tiết khí hậu và một số nguyên nhân do chủ quan, nên kết quả thực hiện năm 2013 không đạt mức kỳ vọng của Công ty mặc dù có tăng trưởng so với cùng kỳ; cụ thể kết quả doanh thu thuần đạt: 603,08 tỷ đồng, tăng 31% so cùng kỳ, đạt 81% Kế hoạch năm 2013.

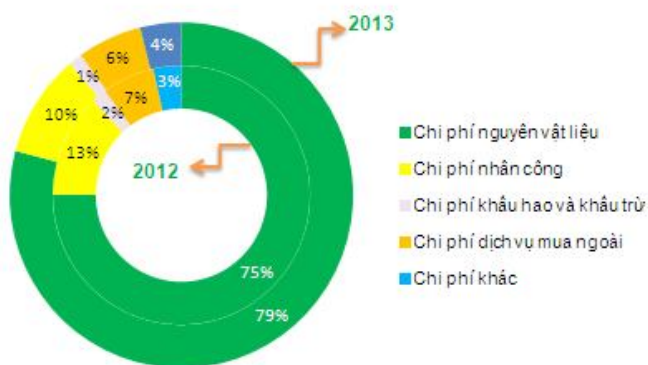
Cụ thể:

Xét về cơ cấu doanh thu hợp nhất: Công ty mẹ luôn chiếm tỷ trọng phần lớn trong cơ cấu doanh thu tổng công ty. Công ty cổ phần kinh doanh XNK Bắc Nghệ An đóng góp hơn 5% tổng doanh thu. Công ty cổ phần Cơ khí Giống cây trồng chỉ chiếm một tỷ trọng rất nhỏ (*khoảng hơn 1 tỷ đồng trong năm 2013*). Cơ cấu này không thay đổi so với cùng kỳ 2012.

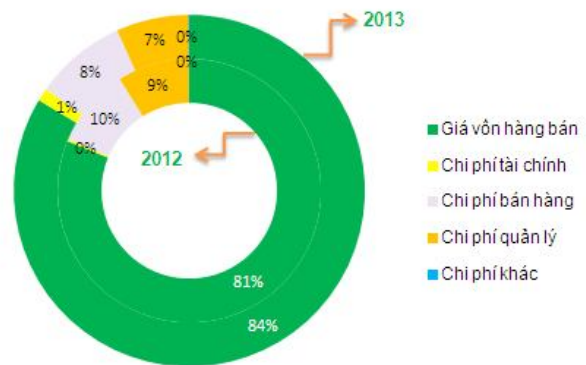
Xét về cơ cấu doanh thu theo bộ phận: Khu vực tiêu thụ lớn nhất là Hội sở Tp.Hồ Chí Minh với khoảng 49% năm 2013 và 54% năm 2012, Hà Nội là thị trường đóng góp tỷ trọng doanh thu lớn thứ 2 với khoảng 27% năm 2012 và 34% năm 2013. Tây Nguyên và Bắc Trung Bộ là 02 địa bàn kinh doanh đóng góp phần tỷ trọng còn lại.

Xét về cơ cấu doanh thu theo sản phẩm: Bắp (gồm Bắp vàng, Bắp nếp, Bắp Dekalb) là sản phẩm tạo ra doanh thu nhiều nhất cho SSC với khoảng 59% năm; trong đó, riêng Bắp Dekalb đã đóng góp 28% tổng doanh thu của Công ty. Lúa lai, lúa thuần là nhóm sản phẩm đóng góp tỷ trọng doanh thu lớn thứ hai với khoảng 29% năm 2013. Rau, đậu và vật tư nông nghiệp là nhóm các sản phẩm đóng góp phần doanh thu còn lại với tỷ trọng lần lượt là 3%, 4% và 5% trong năm 2013.

Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố năm 2012-2013



Cơ cấu chi phí hoạt động năm 2012-2013



Về chi phí hoạt động

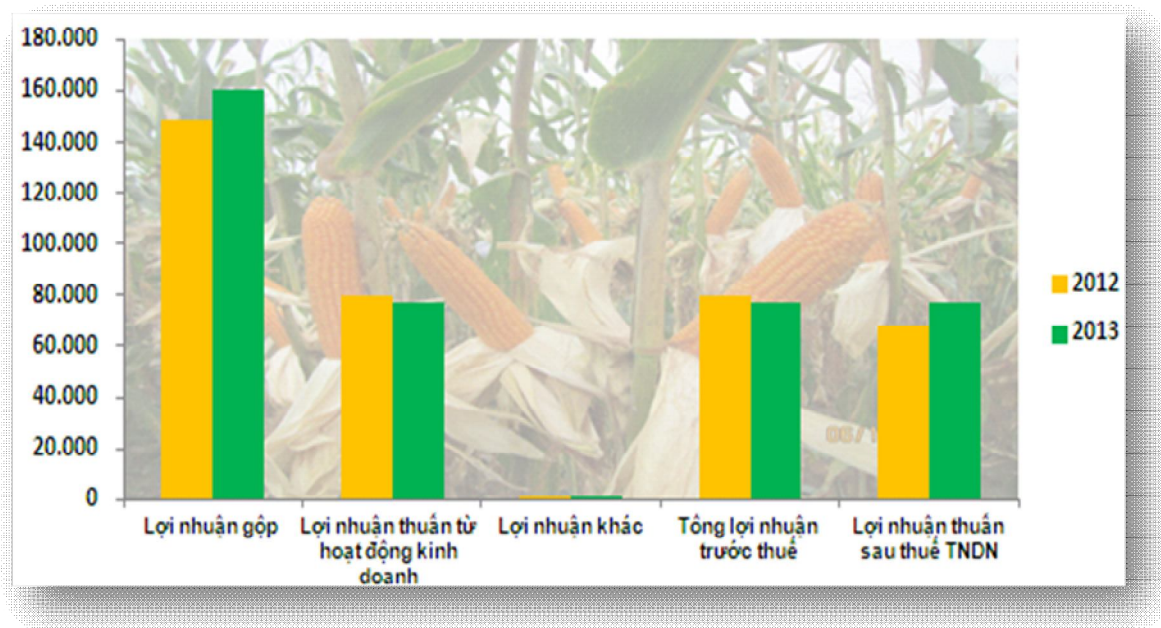
Trong khi Doanh thu Công ty tăng 31% thì tổng chi phí hoạt động nói chung của Công ty tăng đến 34%.

Với tỷ trọng hơn 80% trong cơ cấu chi phí và 73% giá trị doanh thu thuần, Giá vốn hàng bán tăng 132 tỷ đồng tương đương mức tăng 43% ảnh hưởng khá tiêu cực đến kết quả hoạt động của SSC. Sự tăng giá vốn hàng bán là chủ yếu là do thay đổi cơ cấu sản phẩm và tăng giá nguyên vật liệu đầu vào...Chi phí Bán hàng và quản lý doanh nghiệp cũng là 02 khoản mục chiếm một phần không nhỏ trong cơ cấu chi phí. Cả 02 khoản mục này đều tăng trong năm 2013 so với cùng kỳ với mức tăng 9%. Đáng chú ý hơn cả là sự gia tăng của chi phí tài chính. Trong khi các năm trước, gánh nặng chi phí tài

chính chỉ từ 1 đến 2 tỷ đồng thì năm 2013, giá trị khoản mục này tăng lên hơn 6 tỷ đồng, tương đương 522% so với cùng kỳ.

Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố càng thể hiện rõ nét hơn sự ảnh hưởng của các yếu tố chi phí đến kết quả hoạt động của SSC: Tỷ trọng Chi phí nguyên vật liệu trong cơ cấu tăng từ 75% năm 2012 lên 79% trong năm 2013. Với tỷ trọng gần 70% doanh thu thuần, sự biến động tăng của khoản mục chi phí này thực tế đã làm giảm đáng kể lợi nhuận gộp của Công ty.

Lợi nhuận hoạt động



Doanh thu hoạt động tăng nhưng không đủ bù đắp sự tăng lên của các chi phí Giá vốn hàng bán, Chi phí tài chính, Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp dẫn đến một số chỉ tiêu như lợi nhuận hoạt động kinh doanh giảm gần 4% so với cùng kỳ.

Tuy nhiên, hưởng lợi từ chính sách ưu đãi thuế trong năm 2013 do Công ty có hoạt động KH&CN nên kết quả lợi nhuận sau thuế tăng đáng kể gần 14%. Cụ thể, trong khi năm 2012, tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải đóng hơn 12 tỷ đồng thì khoản thuế phải nộp trong năm 2013 chỉ còn 1,9 tỷ đồng.

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán	Năm 2012	Năm 2013
Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	2,31	2,20
Hệ số thanh toán nhanh (lần)	1,03	1,01

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn	Năm 2012	Năm 2013
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	37%	36%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	58%	55%

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động	Năm 2012	Năm 2013
Vòng quay hàng tồn kho (vòng)	2,11	2,26
Doanh thu thuần/Tổng tài sản (lần)	1,08	1,29

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời	Năm 2012	Năm 2013
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	15%	13%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	25%	27%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	16%	17%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh/Doanh thu thuần	17%	13%

III/ NHỮNG TIẾN BỘ TRONG NĂM 2013

- Mở rộng mạnh thị trường trong khu vực: Lào, Cambodia, Myanmar:
- Ước tính, đến nay, thị phần của SSC tại Cambodia chiếm 45% thị trường, tại Lào chiếm 20-25%;
- Trung tâm Giống Rau Hoa mới thành lập và bước đầu có thành tựu đáng ghi nhận:
 - o Công tác nghiên cứu và phát triển tiếp tục được chú trọng, nhờ đó đã phát triển thêm nhiều giống mới như Lúa lai Nam Ưu 209, Ngô Vàng SK100, P2P, Ngô nếp CX247, SSC121, ứng dụng các công nghệ và giải pháp xử lý giống, kháng bệnh...hiệu quả.
 - o Khảo nghiệm: 32 giống rau mới, đưa ra kinh doanh 6 giống: Bầu trắng G20, bầu sao New Star 99, bí đao Queen 01, dưa hấu trái dài Lucky 01, dưa hấu sọc lem Hello 27 và ớt sừng Super 20
 - o Trình diễn - Hội thảo: Đã triển khai được 67 điểm trình diễn
 - o Triển lãm - Hội chợ - Hội Nghị Khách hàng: Tổ chức 2 Hội Nghị Khách hàng; Tham dự diễn đàn Khuyến nông với chủ đề “Sản xuất rau theo VietGAP”; Tham gia 5 cuộc hội chợ. Tham dự hội nghị giống APSA Kobe 2013.
- Tăng cường quan hệ hợp tác với các đối tác lớn mở ra cơ hội lớn cho SSC trong việc quảng bá, xúc tiến thương mại ở thị trường các nước trong khu vực.
- Mở rộng vùng nguyên liệu, nhờ vậy, đảm bảo nguồn cung đầu vào cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

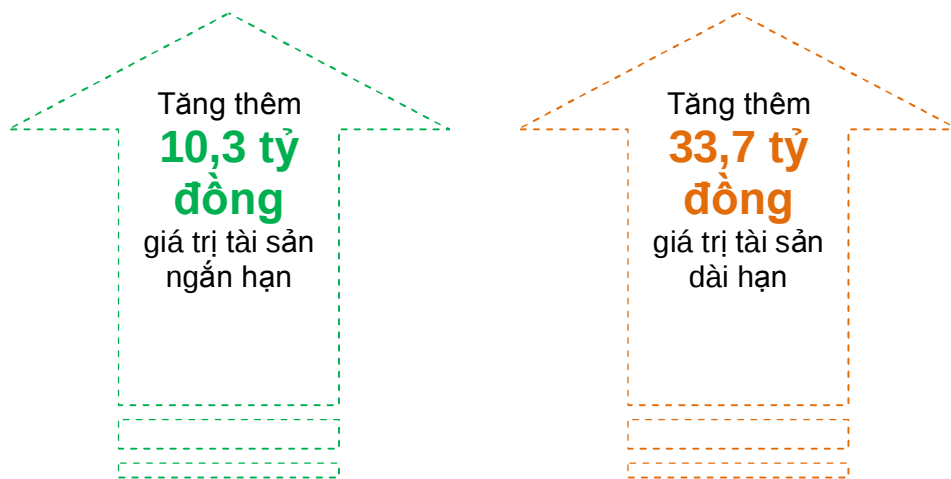
IV/TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Cơ cấu tài sản

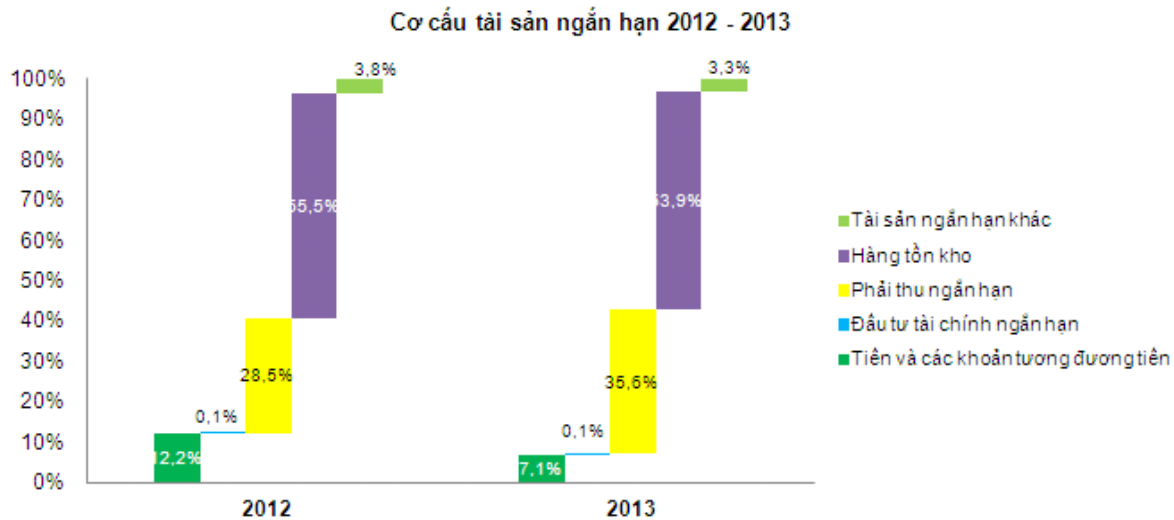
Cơ cấu tài sản	2012		2013	
	Giá trị (tr.đồng)	% tổng tài sản	Giá trị (tr.đồng)	% tổng tài sản
Tài sản ngắn hạn	352.854	83%	363.177	78%
Tài sản dài hạn	71.163	17%	104.917	22%
Tổng tài sản	424.017	100%	468.094	100%

Tổng giá trị tài sản của Công ty tăng 10% trong năm 2013 so với năm 2012, tương đương hơn 44 tỷ đồng. Giá trị tăng thêm này chủ yếu là do sự tăng lên của tài sản dài hạn (*tăng 47% so với cùng kỳ*).

Với sự tăng thêm của tổng giá trị tài sản dài hạn, cơ cấu tài sản trong năm 2013 đã có sự chuyển dịch so với năm 2012: Tài sản ngắn hạn chỉ chiếm 78% tổng tài sản trong khi tỷ lệ này là 83% trong năm 2012.



Tài sản ngắn hạn:



Tài sản ngắn hạn năm 2013 có sự tăng nhẹ với mức tăng 3% tương đương hơn 10 tỷ đồng. Khoản phải thu trong năm là yếu tố dẫn đến sự tăng nhẹ này: Trong khi các yếu tố khác trong tài sản ngắn hạn đều có xu hướng giảm hoặc ít biến động thì giá trị khoản mục Phải thu khác hàng lại tăng thêm gần 30 tỷ đồng, tương đương khoảng 36%.

Trong cơ cấu tài sản dài hạn: 90% là giá trị Tài sản cố định

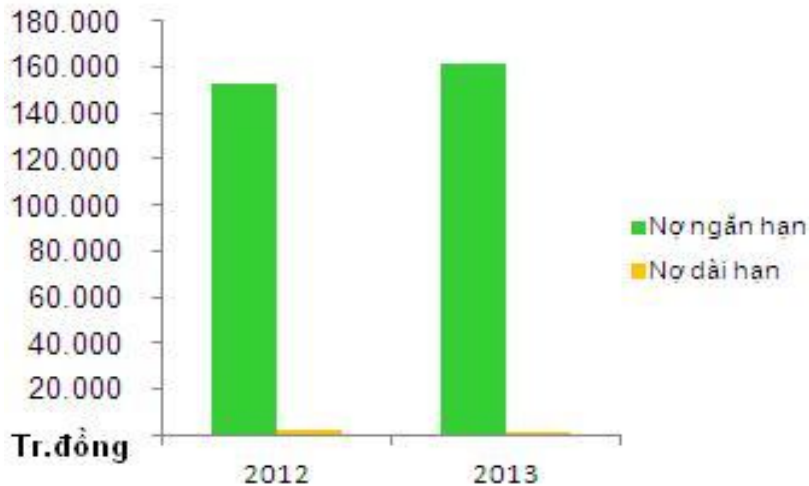
Cơ cấu tài sản dài hạn	ĐVT	2012	2013
Tài sản cố định		68.372	96.763
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>		<i>30.603</i>	<i>59.267</i>
<i>Tài sản cố định vô hình</i>		<i>37.756</i>	<i>37.477</i>
Chi phí XDCBDD	Triệu đồng	13,2	18,5
Tài sản dài hạn khác		1.503	7.050
Lợi thế thương mại		1.288	1.104
Tổng giá trị		71.163	104.917

Năng lực hoạt động được cải thiện hơn trong năm 2013 so với cùng kỳ:

Chỉ tiêu hiệu quả hoạt động	ĐVT	2012	2013
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	2,11	2,26
<i>Số ngày tồn kho</i>	<i>Ngày</i>	<i>171</i>	<i>159</i>
Vòng quay khoản phải thu	Vòng	5,47	5,25
<i>Số ngày phải thu bình quân</i>	<i>Ngày</i>	<i>66</i>	<i>69</i>
Vòng quay tài sản cố định	Vòng	6,61	7,30
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,24	1,35

Tình hình nợ phải trả

*Nợ phải trả ngắn hạn chiếm tỷ trọng phần lớn trong cơ cấu nợ phải trả của Công ty **tăng 8%** trong năm 2013*



Xét về cơ cấu nợ phải trả ngắn hạn, giá trị khoản mục *Phải trả người bán* luôn chiếm vị trí lớn nhất với mức bình quân khoảng 40% - 60% tổng nợ phải trả ngắn hạn. Trong năm 2013, với mục đích bổ sung vốn lưu động, giá trị khoản mục *Vay và nợ ngắn hạn tăng 157% so với cùng kỳ*;

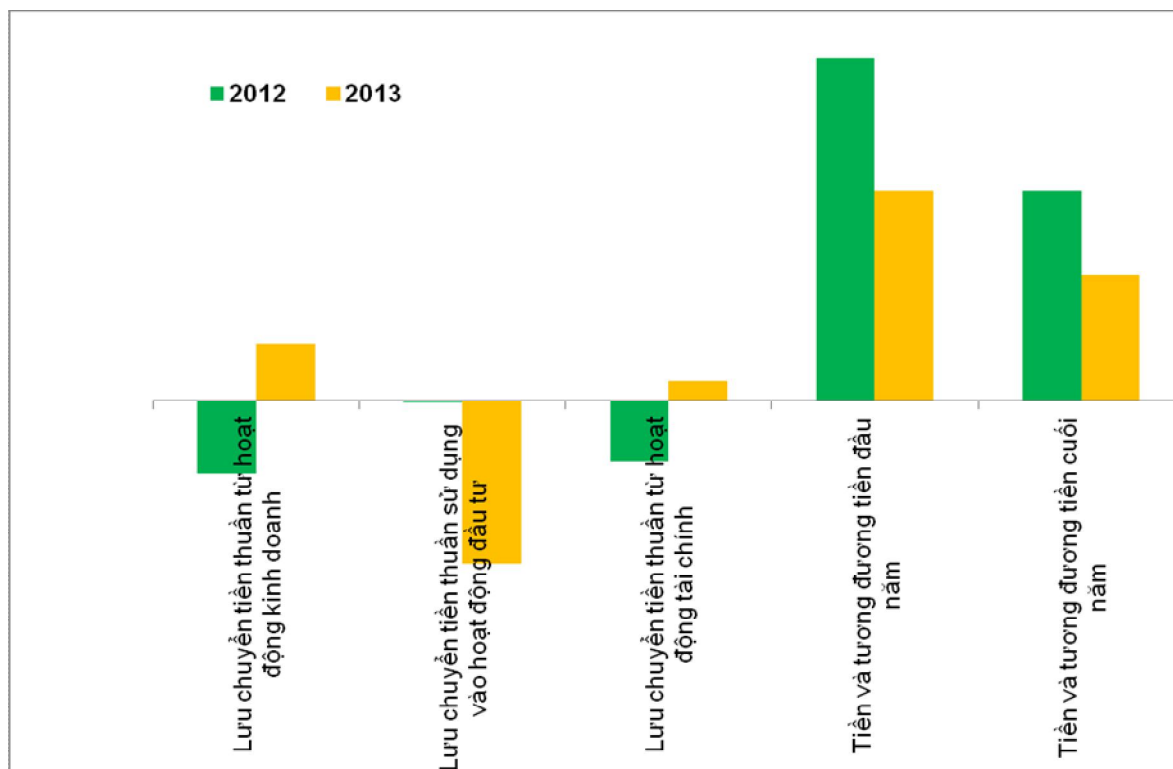


Trong năm 2013, tỷ lệ phát sinh nợ xấu của Công ty không đáng kể. Các nghĩa vụ phải trả đều được thanh toán trong kỳ hạn. Với thực tế tình hình nợ vay như vậy nên biến động lãi suất không có tác động đáng kể đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Giá trị vay nợ ngắn hạn tăng đột biến trong năm 2013 cùng với khó khăn trong hoạt động kinh doanh chính làm giảm kết quả lợi nhuận so với cùng kỳ là nguyên nhân chính cho sự giảm mạnh về khả năng thanh toán lãi vay so với năm 2012. Tuy nhiên, Công ty vẫn đảm bảo tốt khả năng chi trả đối với các nghĩa vụ nợ trong năm.

Dòng tiền hoạt động

Trong khi dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và hoạt động tài chính dương thì giá trị đầu tư trong năm 2013 đột biến với giá trị phát sinh trong năm gần 35 tỷ đồng là nguyên do chính dẫn đến số dư tiền cuối kỳ giảm khoảng 40% so với cùng kỳ:



VI/ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG KHÁC

◆ Hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản trong năm

STT	Đơn vị	Kế hoạch 2013 (Triệu đồng)	Thực hiện 2013 (Triệu đồng)	% Kế hoạch
I	Trại Cờ Đỏ	6.263,47	5.126,85	81,85%
	Xây dựng nhà kho	5.861,03	4.773,01	81,44%
	Quy hoạch - Cải tạo	402,44	353,83	87,92%
II	Trại Lâm Hà	95,00	20,00	21,05%
	Thiết bị	95,00	20,00	21,05%
III	Trung tâm nghiên cứu Giống cây trồng (SRC)	958,50	37,51	3,91%
	Thiết bị	958,50	37,51	3,91%
IV	Trạm Củ Chi	1.003,00	713,90	71,18%
	Thiết bị	1.003,00	713,90	71,18%

V	Trạm Cai lậy	5.047,10	171,00	3,39%
	Dự án Nhà máy chế biến GCT Trà Vinh	4.897,10	19,12	0,39%
	Sửa chữa	150,00	151,88	101,25%
VI	Trụ sở CTY	34.207,50	34.104,44	99,70%
VII	Chi Nhánh Miền Trung	4.843,00	4.307,60	88,94%
	Tổng cộng	53.727,57	44.481,29	82,79%

Kế hoạch đầu tư của Công ty chỉ hoàn thành 82,79% chủ yếu là do vướng mắc liên quan đến đất đai, thủ tục hành chính của Dự án Trà Vinh

◆ **Công tác chế biến:**

- Tổng Khối lượng sấy-chế biến-đóng gói tăng 8,8% so với cùng kỳ.
- Khối lượng bắp trái nhập kho năm 2013 tăng 31% so với năm 2012,

◆ **Công tác bảo quản**

Khối lượng và chất lượng hàng hóa tồn kho: Đến kỳ 30/12/2013, Khối lượng hạt giống tồn kho trên toàn Công ty tương đương 76,9% so với cùng kỳ.

◆ **Công nghệ sinh học**

- ✓ **Nghiên cứu lúa thuần:** Xử lý đột biến 38 giống; thực hiện 3 thí nghiệm khảo sát đánh giá tập đoàn lúa lai và lúa đột biến; lai tạo 150 cặp lai ngắn ngày, năng suất cao, chống chịu rầy nâu, đạo ôn, kháng mặn và gạo ngon.

- ✓ **Nghiên cứu lúa lai:** Nhân dòng CMS mới đã thuần, tiếp tục hồi giao tạo dòng CMS mới để cải thiện tính trạng về chất lượng, chống chịu sâu bệnh, chịu mặn; sử dụng các dòng CMS, TGMS mới, các dòng R đã cải thiện tính trạng, rút dòng, lai được 1.120 tổ hợp mới đưa khảo sát ở các vùng sinh thái.

✓ **Nghiên cứu cây màu**

Bắp vàng: Khảo sát và so sánh sơ khởi chọn SSC12180, 12223, 120816, 120366 và 12217 đưa vào thí nghiệm hậu kỳ. Khảo nghiệm các giống của Viện Ngô và T90 (Trung tâm KKNQG), xác định giống T90, CN13-5, CN13-7 có triển vọng.

Bắp nếp: Lọc thuần hạt tím dòng bố, mẹ MX10: con lai không xuất hiện hạt có màu tím. Lai tạo theo hướng dạng trái trụ, màu sắc đa dạng và chất lượng phù hợp, lai tạo được 228 THL để làm thí nghiệm khảo sát.

✓ **Nghiên cứu rau:**

- Khảo sát 7 giống dưa hấu nhập nội, chọn được 1 giống Black Coralla, dạng trái tròn, vỏ xanh đen.
- Chọn 2 giống đậu bắp lai cho năng suất cao, chất lượng và sạch bệnh, trái màu xanh trung bình. Chọn được giống đậu xanh hạt vàng cho năng suất và chất lượng giá cao hơn các giống TQ phổ biến.
- Phục tráng 6 giống đậu đũa đang kinh doanh. Chọn được 20 cá thể giống đậu đũa C1.

- Lai khác loài mướp hương và mướp khía: các dòng lai tạo đều bị đắng.
- ✓ **Công tác khảo nghiệm – công nhận giống**
- Lúa lai: Công nhận sản xuất thử giống NU 209 ở miền Bắc.
- Lúa thuần: Công ty mua bản quyền giống VN121, OM 8017, DB18, BT9.
- Bắp: Công nhận sản xuất giống bắp vàng P2P, bắp nếp SSC828, CX247. Công ty mua bản quyền giống bắp vàng SK100.
- Rau: Dưa hấu trái dài 6093 (Ruby 39); Giống oval sọc lem DH10133.

PHẦN II : KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2014

1. KẾ HOẠCH DOANH THU –LỢI NHUẬN –CỔ TỨC

a. Công ty mẹ

STT	Nội dung	ĐVT	Mục tiêu 2014
1	Doanh thu	Tỷ	705.165
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ	94.411
3	ROE	%	27,97
4	ROA	%	18,28
5	EPS	Đồng	6.297
6	Cổ tức bằng tiền mặt	%	25

(Ghi chú : năm 2014 được ưu đãi thuế Thu nhập doanh nghiệp đối với DNKHCN)

b. Công ty Hợp nhất (bao gồm SSE & NAS)

- Doanh thu hợp nhất : **710 tỷ đồng**
- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất : **95 tỷ đồng**

2.KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN

(ĐVT : triệu đồng)

STT	Tên dự án đầu tư	Đầu tư năm 2014		Nguồn vốn đầu tư
		Triệu USD	Triệu đồng	
1	Trung tâm thương mại 282 Lê Văn sỹ	30.00		Giá trị đất + vốn góp của đối tác
2	Trại GCT Cờ Đỏ		1.914,85	Vốn chủ sở hữu
3	Trại GCT Lâm Hà		75.00	Vốn chủ sở hữu
4	Trung tâm Nghiên cứu GCT Miền Nam (SRC)		1.220,00	Vốn chủ sở hữu
5	Trạm GCT Củ Chi		1.550,00	Vốn chủ sở hữu
6	Trạm GCT Cai Lậy		790.00	Vốn chủ sở hữu
7	Chi nhánh Hà Nội		7.155,00	Vốn chủ sở hữu

8	Chi nhánh Miền Trung		705.00	Vốn chủ sở hữu
9	Chi nhánh Tây Nguyên		290.00	Vốn chủ sở hữu
10	Nhà máy Trà Vinh		14.472,00	Vốn chủ sở hữu + VBCF
11	CVF		1.492,73	Vốn chủ sở hữu
12	Trụ sở chính Công ty		6.920,00	Vốn chủ sở hữu
	Tổng cộng		36,584.58	
		30.00		

3. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

a. Kinh doanh – Tiếp thị

- Phân tích đánh giá thị trường, từng bước hoàn chỉnh phương pháp xây dựng kế hoạch tiếp thị và bán hàng chuyên nghiệp cho nhân viên kinh doanh (tập trung các nhóm sản phẩm chính: bắp, lúa, hạt rau), tiếp tục duy trì mức tăng trưởng thị trường Lào, Campuchia và phát triển thị trường mới Myanmar.
- Chấn chỉnh công tác bán hàng các nhóm sản phẩm như: lúa, hạt rau và vật tư nông nghiệp. Trung tâm Rau Hoa cần củng cố nhân lực để đẩy mạnh công tác trình diễn hội thảo để tạo nhu cầu bán hàng; xây dựng hệ thống đại lý bán hàng cho từng sản phẩm phù hợp.
- Tổ chức công tác tiếp thị và bán hàng Dekalb một cách chuyên nghiệp và tận dụng các cơ hội đào tạo, tập huấn nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên kinh doanh.
- Tăng cường đào tạo kỹ năng và cải tiến các hoạt động trình diễn, hội thảo; duy trì và nâng cao chất lượng tổ chức và kỹ năng tư vấn bán hàng.
- Củng cố hệ thống đại lý, kiểm soát tốt kế hoạch thu nợ theo chính sách bán hàng. Ban hành và áp dụng hạn mức tín dụng khách hàng.
- Tập trung tiếp thị nhóm sản phẩm mới có tiềm năng: SK100, Nam Ưu 209, CX247, VN121, ĐB18, Bắc thơm 9. Tổ chức bộ phận tiếp thị và xây dựng quy trình phát triển sản phẩm đối với sản phẩm triển vọng.

b. Nghiên cứu & Phát triển

- Chấn chỉnh công tác quản lý hoạt động nghiên cứu theo mô hình dự án. Thúc đẩy tiến độ thực hiện của các dự án, đề tài và công nhận giống.
- Tập trung triển khai công tác nghiên cứu lúa lai chương trình KC06.11-15 đúng tiến độ và tận dụng kết quả của chương trình để phát triển bộ giống lúa lai của SSC.
- Tăng cường công tác chọn tạo, khảo nghiệm và phóng thích sản phẩm nhằm duy trì và phát triển chủng loại giống chủ lực công ty. Phần đầu trong năm 2014 có giống bắp nếp, lúa lai, lúa thuần tốt phù hợp với các tỉnh miền Bắc và miền Trung và ít nhất 3-4 sản phẩm hạt rau mới.

- Tổ chức lại công tác sản xuất giống bố mẹ, ưu tiên tập trung bố trí trong diện tích đất nội bộ, đảm bảo chất lượng, đầy đủ số lượng và phục vụ kịp thời cho sản xuất. Bố trí san phẳng đồng ruộng nghiên cứu, lọc dòng và nhân giống gốc tại Cờ Đỏ.

c. Sản xuất

- Triển khai các mô hình cánh đồng liên kết để mở rộng và quy hoạch vùng sản xuất phù hợp với thời vụ, tập quán, cơ cấu giống địa phương để cân đối với nhân lực và công suất của thiết bị.
- Cải tiến công tác giao kế hoạch sản xuất cho các đơn vị trực thuộc chủ động bố trí bảo đảm các tiêu chí: đúng, đủ, kịp thời, chất lượng, giá thành hợp lý.
- Quy hoạch địa bàn sản xuất bắp ổn định trong vụ Đông Xuân sớm, lúa vụ Thu Đông, lúa lai vụ Mùa để bảo đảm cung cấp kịp thời nhu cầu kinh doanh. Củng cố vùng nguyên liệu đậu tương vụ Xuân Hè & Hè Thu cung cấp cho miền Bắc và ĐBSCL.
- Giải quyết triệt để vấn đề chất lượng: lúa cỏ/đỏ, hạt khác, duy trì tỷ lệ nảy mầm hạt giống lúa tối thiểu 12 tháng.

d. Chế biến bảo quản

- Chấn chỉnh công tác chế biến bảo quản của các đơn vị nhằm bảo đảm duy trì chất lượng, cung ứng kịp thời đầy đủ theo yêu cầu kinh doanh. Tăng cường giám sát công tác chế biến bảo quản để loại bỏ hoàn toàn sản phẩm không phù hợp trước khi xuất bán.
- Giám sát và phân loại chất lượng trong khâu thu hoạch để chủ động bố trí chế biến. Theo dõi diễn biến chất lượng các lô hạt giống và kịp thời đề xuất giải pháp xử lý nhằm hạn chế tổn thất.
- Đầu tư và đưa vào sử dụng hệ thống đóng gói tự động cho nhóm sản phẩm phù hợp.
- Tiến hành các nghiên cứu thực nghiệm trong vấn đề xử lý mọt, công nghệ xử lý hạt giống để làm gia tăng sức sống của hạt giống trong bảo quản và sử dụng ngoài đồng.

đ. Quản lý chất lượng

- Chú trọng kiểm soát chất lượng giống bố mẹ, siêu nguyên chủng và phối hợp cung cấp thông tin chất lượng sản phẩm kịp thời cho các đơn vị nghiên cứu – sản xuất – kinh doanh. Hỗ trợ cho hoạt động kiểm tra và giám sát chất lượng hàng hóa gửi khách hàng.
- Thiết lập hệ thống dữ liệu kiểm nghiệm tập trung theo hướng ứng dụng tin học và tạo lập cơ chế cho các đơn vị liên quan truy xuất thông tin về chất lượng sản phẩm.
- Đánh giá thiết bị kiểm nghiệm để đề xuất trang bị phù hợp để kiểm soát hạt khác giống ...
- Tăng cường giám sát và kiểm soát tình hình kiểm định và kiểm nghiệm tại các đơn vị trực thuộc, bảo đảm kiểm soát theo quá trình và sản phẩm trước khi xuất bán. Cần có cơ chế cảnh báo kịp thời nếu có sự không phù hợp về chất lượng sản phẩm.

e. ISO

- Tăng cường công tác quản lý ISO chuyên trách, tập trung xử lý và bổ sung hệ thống báo cáo phù hợp với hoạt động nghiên cứu – sản xuất – kinh doanh, tăng cường giám sát tuân thủ của các đơn vị.

- Triển khai công tác ISO đối với hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản và các Chi nhánh mới thành lập.
- Nghiên cứu ứng dụng giải pháp phần mềm tin học trong công tác quản lý ISO.

f. Đầu tư

- Triển khai xây dựng nhà máy chế biến Trà Vinh (tại khu công nghiệp Long Đức) để tăng cường công suất sấy, chế biến.
- Phối hợp với Ban Tiếp quản EW, Trung tâm Rau Hoa quy hoạch lập dự án khai thác sử dụng cơ sở tài sản mua của Công ty liên doanh hạt giống Đông Tây để hoàn tất thủ tục. Tiếp tục hoàn tất các thủ tục đăng ký sở hữu công trình nhà máy chế biến hạt giống miền Trung và Nhà máy CVF.
- Xây dựng trang web mới trong 6 tháng đầu năm.

g. Tài chính – kế toán

- Xây dựng các kế hoạch sử dụng nguồn vốn hàng tuần/quý để bảo đảm sử dụng vốn tín dụng hiệu quả. Bảo đảm cung cấp đủ nguồn vốn thanh toán thu mua sản phẩm.
- Tiếp tục làm việc với cơ quan Thuế để xác định thời hạn ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp KHCN.
- Xây dựng chính sách quản lý nợ, tăng cường công tác kiểm soát nợ của khách hàng. Kiểm soát việc thực hiện chính sách bán hàng của các đơn vị bảo đảm đúng quy định.
- Tăng cường kiểm tra tài chính, kiểm toán nội bộ trong toàn công ty và các công ty con;
- Cải tiến công tác kế toán quản trị, tổ chức cơ sở dữ liệu phù hợp nhằm cung cấp thông tin chính xác và kịp thời. Đề xuất các giải pháp quản lý để kiểm soát được các khoản chi phí hoạt động.

h. Nhân sự - Hành chính

- Bổ sung nhân sự cho Dự án tái cấu trúc mới. Tiếp tục cải tiến và điều chỉnh việc trả lương phù hợp với đặc thù của từng nhóm công việc.
- Chấn chỉnh công tác quản lý điều hành, rà soát đánh giá hiệu quả công tác lãnh đạo của các đơn vị/bộ phận. Tăng cường đào tạo kiến thức quản trị cho cán bộ quản lý từ cấp trung. Xây dựng quy trình quy hoạch cán bộ và quy định điều động cán bộ quản lý.
- Cải tiến công tác tuyển dụng, đào tạo, bổ nhiệm cán bộ của các đơn vị để sử dụng nhân lực theo hướng tinh gọn để nâng cao chất lượng và thu nhập.
- Hoàn chỉnh chính sách, chế độ nhân sự. Xây dựng các phương án khoán, thưởng đáp ứng nhu cầu SXKD; tăng cường chất lượng công tác quản trị hành chính – nhân sự của hội sở và các đơn vị trực thuộc.
- Tăng cường hướng dẫn thủ tục pháp chế và hệ thống văn bản toàn công ty.
- Hoàn thành việc đăng ký thành lập Trung tâm Giống Rau Hoa (CVF) trong quý I/2014 để nhanh chóng chính thức hoạt động.
- Phối hợp với các đơn vị tổ chức hội nghị trao tặng "Huân chương độc lập hạng 3" cho SSC và lễ ra mắt chính thức CVF sau khi nhận chính thức cơ sở Phạm Văn Cội.

k. Kiểm soát nội bộ

- Rà soát sửa đổi, bổ sung hệ thống các quy chế, quy định nội bộ nhằm tăng cường công tác quản lý, nâng cao hiệu quả điều hành.
- Bổ sung nhân lực kiểm soát nội bộ, thiết lập các kênh và hệ thống thu thập thông tin từ cơ sở và chủ động phối hợp với các đơn vị/bộ phận để tăng cường công tác giám sát, kiểm tra công tác quản lý điều hành.
- Xây dựng cơ chế kiểm soát rủi ro trong kiểm soát chất lượng giống từ sản xuất ngoài đồng và trong chế biến bảo quản.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Hàng Phi Quang

CÔNG TY CỔ PHẦN
GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM
BAN KIỂM SOÁT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----o0o-----

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 4 năm 2014

BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2013

Kính thưa: Quý vị Cổ đông Công ty CP Giống cây trồng miền Nam (SSC).

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- Điều lệ Công ty cổ phần Giống cây trồng miền Nam.
- Quy chế nhiệm vụ quyền hạn của Ban Kiểm soát được quy định tại điều lệ Công ty.

Ban Kiểm soát báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về tình hình hoạt động của SSC trong năm tài chính 2013, như sau;

I/ Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2013:

Năm 2013, Ban Kiểm soát thực hiện công tác kiểm soát theo Nghị quyết ĐHCĐ đã đề ra, kiểm soát thường xuyên các hoạt động sản xuất kinh doanh tại VP, Chi nhánh, Trạm/ Trại, trên cơ sở hồ sơ tài liệu chứng từ kế toán, qua đó BKS đưa nhận xét kiến nghị, về những việc làm được và chưa làm được, gửi đến HĐQT, Ban Điều hành Công ty, nhằm tăng cường công tác quản trị và có định hướng điều chỉnh công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh được tốt hơn.

Cụ thể;

- Kiểm soát báo cáo tài chính hàng quý, năm 2013.
- Kiểm soát quá trình thực hiện kế hoạch SXKD, Đầu tư XD CB.
- Kiểm soát việc thực hiện các quy định, quy chế hoạt động của Công ty.
- Kiểm soát việc chấp hành chính sách theo quy định của pháp luật đối với công ty Đại chúng niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán.

Năm 2013, BKS tổ chức 05 kỳ họp nhằm định hướng, phân công công tác nhiệm vụ của từng thành viên, đề ra kế hoạch, nội dung kiểm soát cho từng đơn vị của SSC (VP, Chi nhánh, Trạm/Trại), cụ thể các nội dung kiểm soát được tổng hợp theo chủ đề nhóm như sau:

1. Kiểm soát Báo cáo tài chính năm 2013:

- Báo cáo tài chính được lập và đã được đơn vị kiểm toán kiểm và xác nhận theo đúng quy trình.
- Công ty thực hiện lập báo cáo tài chính hàng quý, năm, công bố thông tin báo cáo tài chính theo đúng quy định của pháp luật.

Báo cáo tài chính năm 2013 hạch toán trung thực phản ánh đầy đủ về kết quả hoạt động kinh doanh, về nguồn vốn, tài sản, báo cáo luân chuyển tiền tệ rõ ràng phù hợp với chuẩn mực kế toán hiện hành.

- Về công tác quản lý tài chính.
 - o Công ty hạch toán kế toán theo các chuẩn mực kế toán hiện hành.
 - o Sổ sách kế toán, chứng từ hạch toán và lưu giữ đúng quy định chế độ kế toán đã ban hành.

- o Công tác kiểm kê tiền mặt tồn quỹ, kiểm kê hàng hóa, nguyên liệu, thành phẩm theo kỳ báo cáo thực hiện nghiêm túc, phản ánh kịp thời công tác quản trị điều hành, số liệu kiểm thực tế phù hợp với sổ sách kế toán.
- o Công tác theo dõi khoản nợ phải thu, phải trả thực hiện thường xuyên định kỳ hàng tháng, quý, có lập bản đối chiếu công nợ.
- o Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước.

Ban Kiểm soát thống nhất báo cáo và thư kiểm toán của đơn vị kiểm toán E&Y.

2. Về kiểm soát Kế hoạch đầu tư:

Thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ năm 2013 Công ty đã triển khai công tác đầu tư xây dựng cơ bản mua sắm trang thiết bị phục vụ SX – KD với các trạm trại chi nhánh. Cụ thể, tổng vốn đầu tư thực hiện trong năm 2013 là 44,48 tỷ đồng, đạt 83% so với kế hoạch. Các hạng mục đầu tư chủ yếu bao gồm:

- Đầu tư xây mới nhà kho Trại Cờ Đỏ: 5,1 tỷ đạt 82% kế hoạch
- Mua hệ thống nhà máy chế biến hạt giống Đông Tây tại Củ Chi và Hóc Môn với giá trị 28 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch
- Các hạng mục không đạt kế hoạch chủ yếu đều chưa triển khai trong năm như dự án chế biến GCT Trà Vinh (tổng vốn đầu tư 4,9 tỷ) và dự án nhà máy Hà Nội (tổng vốn đầu tư 1,3 tỷ).

3. Kiểm soát thực hiện Nghị quyết Đại hội Cổ đông, Nghị quyết, quyết định của Hội Đồng quản trị, Hội đồng cổ vấn.

Nghị quyết ĐHCĐ năm 2013 được HĐQT triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung đại hội đã thông qua với kết quả hoạt động SXKD hầu hết các chỉ tiêu trọng yếu đều được thực hiện, kế hoạch doanh thu, lợi nhuận thực hiện chưa đạt kế hoạch.

Ban Điều hành đã thực hiện đầy đủ các Nghị quyết của HĐQT. Tuy nhiên Vấn đề nhân sự quản lý cấp trung vẫn chưa được Ban Điều hành thực hiện quyết liệt. Nghị quyết HĐQT số 02 ngày 28/3/2013.

- Về thực hiện chính sách tài chính cần quán triệt nghị quyết số 04/NQ-HĐQT ngày 18/05/2013. HĐQT đối với hợp đồng tín dụng các ngân hàng.
- Về Hội Đồng Cổ vấn (HĐCV): Theo Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐCV, thì HĐCV họp tối thiểu ba tháng 1 lần. Tuy nhiên trong năm 2013 hoạt động của HĐCV còn hạn chế chưa mang tính đột phá cũng như các đóng góp ý kiến cần mang tính khả thi sắc sảo hiệu quả vững bền hơn cho sự phát triển của SSC.

Thành viên HĐQT độc lập: Hiện tại, Công ty không có thành viên HĐQT độc lập theo quy định, do UV HĐQT Nguyễn Quốc Vọng kiêm nhiệm chức danh Giám đốc Trung tâm Giống Rau Hoa SSC.

Nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2013 được thực hiện với kết quả như sau:

4. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013, chỉ tiêu trọng yếu.

ĐVT : Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2012	Thực hiện 2013	Kế hoạch 2013	So sánh thực hiện 2013/2012	So sánh với Kế hoạch 2013
					(%)	(%)
1	Doanh thu thuần	445.998	598.275	697.992	34,14%	85,71%
2	Lợi nhuận trước thuế	79.472	78.729	97.134	-1%	81%
3	Lợi nhuận sau thuế	67.205	78.198	91.068	16,35%	85,86%

5. Nhận xét, đánh giá một số chỉ tiêu của Báo cáo tài chính năm 2013:

a. Về Hàng hóa nguyên liệu tồn kho:

Hàng tồn kho: 190,073 tỷ đồng tương đương với cùng kỳ, đây chủ yếu là lượng hàng Dekak chuẩn bị cho vụ mùa năm 2014.

b. Về khoản dự phòng :

Về trích lập dự phòng đầu tư tài chính: so với cùng kỳ không tăng, tuy nhiên đáng chú ý khoản cho Công ty Cơ khí (SSE) vay: 1,124 tỷ đồng hiện Công ty Cơ khí đang ngừng SXKD làm thủ tục phá sản khả năng đây là khoản nợ khó thu hồi.

c. Nợ phải thu:

Dư nợ phải thu khách hàng đến cuối năm 2013 là 111,697 tỷ đồng, tăng 40,83% so với cùng kỳ, trong khi doanh số thuần chỉ tăng có 31%. Trong đó các khoản nợ trên 120 ngày chiếm tỷ trọng khá lớn và tăng rất nhiều so với cùng kỳ năm ngoái. Công ty cần có phương pháp, thực hiện tốt hơn nữa chính sách bán hàng và thu hồi công nợ nhằm hạn chế các rủi ro.

d. Về luân chuyển tiền tệ:

Tiền và các khoản tương đương tiền số cuối kỳ: 25,630 tỷ đồng, tỷ trọng: 5% trên tổng tài sản, số đầu năm so với cuối năm biến động nhiều (-60%) điều này được thể hiện trong năm Công ty đã mua Nhà máy chế biến hạt giống Đông Tây trị giá > 28 tỷ.

e. Kết quả hoạt động SXKD: năm 2013 thực hiện không đạt như nghị quyết ĐHCĐ đã đề ra một phần cũng do khách quan tình hình sản xuất ngành nông nghiệp gặp nhiều khó khăn, nguyên liệu hạt giống cung ra thị trường không như kỳ vọng, thị trường cạnh tranh gắt gao giữa các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Ngoài ra cũng một phần do chủ quan, hoạt động marketing dự báo thị trường chưa chính xác một số chủng loại hạt giống bắp, rau chưa cung đủ cho thị trường cũng như chưa đáp ứng được nhu cầu của người nông dân.

Công tác bảo quản cũng có một số sai sót làm giảm chất lượng hạt giống dẫn đến suy giảm trong hiệu quả kinh doanh của công ty.

Công tác lập kế hoạch SXKD chưa phản ánh đúng khả năng, năng lực hiện tại của công ty, kế hoạch tăng nhưng năng suất lao động, nhân lực chưa kiện toàn, chưa xây dựng đội ngũ nhân sự phù hợp và chính sách đãi ngộ chưa mang tính đột biến.

6. Nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất; (SSC; SSE; Giống cây trồng Nam An)

Báo cáo tài chính hợp nhất SSC năm 2013.

(ĐVT : Triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2012	Thực hiện 2013	Kế hoạch 2013	So sánh thực hiện 2013/2012 (%)	So sánh với Kế Hoạch 2013 (%)
1	Doanh thu thuần	459.169	600.817	742.173	31%	81%
2	Lợi nhuận gộp	148.790	159.823		7%	
3	Lợi nhuận trước thuế	80.255	77.337	91.170	-4%	83%
4	Lợi nhuận sau thuế	67.807	76.999	91.104	14%	84,51%

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2013 chỉ tiêu Doanh thu hợp nhất chưa đạt, chỉ tiêu lợi nhuận hợp nhất sau thuế của toàn công ty chỉ đạt 84,51% theo Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2012 đã đề ra do doanh thu của SSC, SSE & Nam An chưa đạt KH.

a. Kết quả chỉ tiêu trọng yếu của Công ty CP Giống cây trồng Nam An:

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	KH 2013	TH 2013	TH 2012	% TH/K H	(+,-) % /2012
1	Doanh thu bán hàng	43,2826	40,609	31,064	93,87%	30,73%
2	Lợi nhuận sau thuế	0,501	0,4126	0,25679	82,36%	60,86%

b. Công ty Cổ phần Cơ khí Giống cây trồng miền Nam (SSE), kết quả chỉ tiêu trọng yếu ;

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	KH 2013	TH 2013	TH 2012	% TH/K H	(+,-) % /2012
1	Doanh thu	-	1,3113	5,0775	-	(74,18%)
2	Lợi nhuận sau thuế thuế	-	(1,04023)	(2,5787)	-	(59,66%)

Với kết quả hoạt động đã nêu trên, Hiện Công ty Cơ khí Giống cây trồng (SSE) đang ngừng SXKD tiến hành thủ tục giải thể phá sản Nghị quyết 02/NQ-HĐQT ngày 28/3/2013.

Công ty cổ phần Giống cây trồng Nam An đã cơ cấu hoạt động, quản trị doanh nghiệp nhưng kết quả SX kinh doanh trong năm 2013 của công ty này đạt hiệu quả chưa cao.

7. Kiểm soát việc chấp hành pháp luật, điều lệ Công ty:

- Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách pháp luật của Nhà nước, chấp hành chính sách nghĩa vụ thuế đầy đủ.
- Hạch toán kế toán theo chuẩn mực kế toán hiện hành.
- Thực hiện nghĩa vụ đối với công ty Đại chúng niêm yết, công bố thông tin kịp thời đầy đủ.

II. Phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát, Hội Đồng quản trị, Ban Điều hành:

Trên tinh thần trách nhiệm, xây dựng và hợp tác, Ban kiểm soát luôn chú trọng trao đổi, phối hợp đóng góp, kiến nghị đến HĐQT, Ban điều hành thông qua các biên bản kiểm soát các Chi nhánh, Trạm trại, Phòng ban về những vấn đề trong quản lý điều hành, sản xuất kinh doanh, các chính sách phát triển thị trường, đầu tư xây dựng cơ bản, chính sách nhân sự quản lý.

Phối hợp chặt chẽ hơn trong công tác xét chọn, lịch làm việc của kiểm toán, thực hiện đúng quy định điều lệ Công ty, tại khoản 2, Điều 33, cung cấp tài liệu các cuộc họp của HĐQT. Điều 18.4, Quy chế quản trị Công ty, trong phối hợp hoạt động giữa BKS và HĐQT.

III. Ban Kiểm soát nhận xét và kiến nghị:

Qua công tác kiểm soát hoạt động tại SSC năm 2013, BKS có những nhận xét, kiến nghị sau:

- Đề nghị HĐQT, Ban Giám đốc quyết liệt hơn đưa ra giải pháp tăng cường nguồn nhân lực tái cấu trúc nhân sự, xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực, xây dựng đội ngũ kế thừa, tạo cơ chế chính sách đãi ngộ cạnh tranh để ổn định người lao động, có chính sách giao khoán công việc, lương, thưởng phù hợp nhằm tăng năng suất lao động, thu hút nhân lực trình độ cao cho mục tiêu phát triển bền vững của Công ty.
- Cần chú trọng công tác lập kế hoạch sản xuất kinh doanh (SXKD), đặc biệt là khả năng dự báo thị trường, xây dựng kế hoạch kinh doanh cần phối hợp giữa phòng kinh doanh – sản xuất – chế biến – nghiên cứu. Xây dựng kế hoạch SXKD phù hợp với năng lực hiện tại của công ty, đảm bảo

mức tăng trưởng hợp lý. (kế hoạch SXKD các năm xây dựng quá cao, tăng trưởng so với năm trước tuy nhiên thực hiện chưa đạt kế hoạch)

Chỉ đạo sát công tác nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh để phát triển các loại sản phẩm giống chủ lực có tính cạnh tranh cao trên thị trường.

3. Ban TGD cần chú trọng đối với công tác kiểm soát nội bộ, giám sát chặt chẽ các đơn vị sản xuất chế biến bảo quản tránh rủi ro trong sản xuất kinh doanh cũng như tài sản nguồn vốn do yếu tố chủ quan. đưa kiểm soát nội bộ của công ty hoạt động hiệu quả hơn, chuẩn hóa quy trình các phòng ban và công tác quản trị điều hành tại các Trạm, Trại và Chi nhánh.
4. Công tác đầu tư XDCB thực hiện chỉ đạt 83% của kế hoạch, đề nghị Ban Giám đốc có những điều chỉnh cần thiết đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư; Sớm hoàn tất thủ tục pháp lý chuyển nhượng đối với 4,878 ha đất An Nhơn Tây – Củ Chi, dự án liên doanh 282 Lê Văn Sỹ, sớm hoàn tất chuyển quyền thuê đất và thủ tục pháp lý nhà máy chế biến hạt giống Đông Tây (Trung tâm Giống Rau Hoa SSC), đưa vào SXKD đạt hiệu quả.
5. Đề nghị HĐQT đề ra mục tiêu, yêu cầu cụ thể đối với Hội đồng cổ vấn nhằm thực hiện hiệu quả các ý kiến đóng góp mang tính sắc sảo hiệu quả bền vững trong quản trị, nghiên cứu, sản xuất cũng như tiêu chí hoạt động, để có cơ sở đánh giá kết quả thực hiện.
6. **Thành viên HĐQT độc lập:** Hiện tại, Công ty không có thành viên HĐQT độc lập theo quy định, do UV HĐQT Nguyễn Quốc Vọng kiêm nhiệm chức danh Giám đốc Trung tâm Giống Rau Hoa SSC, đề nghị HĐQT có ý kiến trình ĐHCĐ về thành viên độc lập theo quy định hiện hành.
7. Về công tác tài chính, cần thực hiện quán triệt các nghị quyết HĐQT về hợp đồng tín dụng, Xây dựng chính sách, hạn mức tín dụng đối với khách hàng đồng bộ với chính sách thanh toán, công nợ, chính sách chiết khấu, thực hiện đúng qui định về hạch toán kế toán, chấp hành đúng chính sách pháp luật về thuế.
8. Hội đồng quản trị, Ban Điều hành SSC cần tăng cường công tác quản lý có những giải pháp mạnh mẽ nhằm đưa hoạt động SX-KD của công ty con phát triển theo như định hướng khi mua cổ phần chi phối đối với Công ty cổ phần Giống cây trồng Nam An. Trung tâm Giống Rau Hoa SSC.

Ban Kiểm Soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Trân trọng!

TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



NGUYỄN HOÀNG CÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN
GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----oOo-----

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 4 năm 2014

TỜ TRÌNH
PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN & CỔ TỨC NĂM 2013

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Giống cây trồng miền Nam về việc phân phối lợi nhuận;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2012, ngày 26 tháng 4 năm 2013
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty mẹ đã được công ty kiểm toán Ernst & Young Việt nam kiểm toán xác nhận

Hội đồng quản trị công ty xin trân trọng đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2013 với các nội dung như sau:

(Đơn vị tính: VND)

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN	% LNST
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2013	78,198,468,705	100%
2	Phân phối lợi nhuận năm 2013	62,751,410,689	80.25%
a	Trích lập quỹ	16,996,200,689	21.73%
-	Quỹ dự phòng tài chính (5% * LN sau thuế)	(989,447,113)	-1.27%
-	Quỹ đầu tư phát triển (15% * LN sau thuế)	11,729,770,306	15.00%
-	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (8% * LN sau thuế)	6,255,877,496	8.00%
b	Thù lao HĐQT và BKS (6 thành viên không kiêm nhiệm)	778,109,000	1.00%
c	Cổ tức 30% VDL	44,977,101,000	57.52%
3	Lợi nhuận chưa phân phối	15,447,058,016	19.75%

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH


Khang Phi Quang

CÔNG TY CỔ PHẦN
GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----o0o-----

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 4 năm 2014

TỜ TRÌNH KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN & CỔ TỨC NĂM 2014

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Điều lệ Công ty về việc phân phối lợi nhuận
- Căn cứ Kế hoạch sản xuất – kinh doanh 2014 (công ty mẹ SSC)

Hội đồng quản trị công ty trân trọng đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2014 với các nội dung như sau:

(ĐVT: đồng)		
STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN
A	Hoạt động kinh doanh chính	
1	Tổng doanh thu thuần (DTT)	705,165,257,792
2	Gía vốn hàng bán (72,76%/DTT)	513,133,480,000
3	Lợi tức gộp (27,24%/DTT)	192,031,777,792
4	Chi phí bán hàng & quản lý DN (13,08%/DTT)	92,299,069,000
5	Lợi nhuận trước thuế	99,732,708,792
B	Hoạt động tài chính	
1	Doanh thu hoạt động tài chính	3,000,000,000
2	Chi phí hoạt động tài chính (Lãi vay & CKTT)	5,000,000,000
3	Lợi nhuận hoạt động tài chính	(2,000,000,000)
C	Thu nhập chịu thuế và thuế TNDN	15,094,140,792
1	Hoạt động sản xuất kinh doanh chính	17,094,140,792
2	Hoạt động tài chính	(2,000,000,000)
3	Thuế TNDN 22%	3,320,710,974
4	Lợi nhuận sau thuế	94,411,997,818
D	Phân phối lợi nhuận sau thuế	
1	Tổng lợi nhuận trước thuế(13,85%/DTT)	97,732,708,792
2	Tổng lợi nhuận sau thuế (13,38%/DTT)	94,411,997,818
-	Tỷ lệ LNST/DT thuần	13.39%
3	Phân phối lợi nhuận	
*	Trích lập quỹ	21,714,760,000
-	Quỹ dự trữ bắt buộc (5%*LN sau thuế)	0
-	Quỹ đầu tư phát triển (15%*LN sau thuế)	14,161,800,000
-	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (8%*LN sau thuế)	7,552,960,000
*	Thù lao HĐQT và BKS (5 thành viên không kiêm nhiệm)	760,000,000
*	Cổ tức 25% VDL	37,480,917,500
-	Tỷ lệ cổ tức/DT thuần	5.32%
*	Lợi nhuận chưa phân phối	34,456,320,318

Ghi chú: Thu nhập từ dự án **Tổ hợp Chung cư - Thương mại - Văn phòng** tại 282 Lê Văn Sỹ sẽ bổ sung khi có phát sinh thực tế trong năm.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Hàng Phi Quang

CÔNG TY CỔ PHẦN
GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----o0o-----

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 4 năm 2014

TỜ TRÌNH

(v/v: BÁO CÁO CHI TRẢ THÙ LAO CỦA HĐQT & BKS NĂM 2013
& PHƯƠNG ÁN CHI TRẢ THÙ LAO NĂM 2014.)

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông

I/ KẾT QUẢ CHI TRẢ THÙ LAO NĂM 2013:

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2013 của ĐHĐCĐ thường niên 2013, biểu quyết thông qua thù lao chi trả cho HĐQT & BKS năm 2013 là 1,5 % lợi nhuận sau thuế của Báo cáo hợp nhất 2013;

Mức thù lao thưởng, phạt căn cứ theo tỷ lệ % lợi nhuận sau thuế tăng hoặc giảm so với kế hoạch lợi nhuận sau thuế hợp nhất 2013 theo quy định hiện hành.

- Hàng tháng tạm ứng 70%, số còn lại sẽ được thanh toán sau khi hoàn tất các báo cáo tài chính của Công ty và thuế TNCN của các thành viên HĐQT & BKS.
- Thù lao cho các thành viên HĐQT & BKS kiêm nhiệm được hạch toán vào chi phí. Thù lao cho các thành viên HĐQT & BKS không kiêm nhiệm được chi trả từ lợi nhuận sau thuế.

BẢNG THÙ LAO HĐQT & BKS NĂM 2013

STT	KHOẢN MỤC	TỔNG SỐ (đồng)	Tổng mức thù lao HĐQT & BKS năm 2013	GHI CHÚ
A	Chỉ tiêu thực hiện			
1	Doanh thu hợp nhất thực hiện			
2	Lợi nhuận hợp nhất thực hiện sau thuế	76,999,841,534		
3	Lợi nhuận hợp nhất kế hoạch	91,068,698,000	1,366,030,470	NQ ĐHĐCĐ 2013 (3)
4	Lợi nhuận giảm so với kế hoạch	14,068,856,466	190,308,431	
4a	Trong khoảng 10%	9,106,869,800	91,068,698	(4a) x 1%
4b	Trong khoảng 10% -20%	4,961,986,666	99,239,733	(4b) x 2%
			1,175,722,039	(3)-(4)

II/ PHƯƠNG ÁN CHI TRẢ THÙ LAO CHO HĐQT & BKS NĂM 2014:

Căn cứ kế hoạch SXKD, doanh thu và lợi nhuận của Báo cáo hợp nhất năm 2014, với chỉ tiêu LNST là **95 tỷ đồng**. Phương án chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2014 như sau:

1. Tổng thù lao dự kiến chi trả cho HĐQT & BKS là **1,5%** lợi nhuận sau thuế, tương ứng **95 tỷ đồng LNST kế hoạch * 1,5% = 1,42 tỷ đồng**
2. Mức thù lao thưởng, phạt căn cứ theo tỷ lệ % lợi nhuận sau thuế tăng hoặc giảm so với kế hoạch lợi nhuận sau thuế như sau:
 - Thù lao được thưởng thêm 1% của phần LNST vượt nếu lợi nhuận sau thuế tăng hơn so với kế hoạch 10%. Nếu lợi nhuận sau thuế giảm hơn so với kế hoạch trong khoảng 10% thì thù lao giảm 1% của phần LNST giảm.
 - Thù lao được thưởng thêm 2% của phần LNST vượt nếu lợi nhuận sau thuế tăng hơn so với kế hoạch trong khoảng trên 10% -20%. Nếu lợi nhuận sau thuế giảm hơn so với kế hoạch trong khoảng trên 10%-20% thì thù lao giảm 2% của phần LNST giảm;
 - Thù lao được thưởng thêm 3% của phần LNST vượt nếu lợi nhuận sau thuế tăng hơn so với kế hoạch trong khoảng trên 20%-30%. Nếu lợi nhuận sau thuế giảm hơn so với kế hoạch trong khoảng trên 20%-30% thì thù lao giảm 3% của phần LNST giảm.
3. Phương thức tạm ứng và quyết toán: Tạm ứng hàng tháng là 70% và quyết toán sau khi ĐHĐCĐ thường niên 2014 thông qua.
4. Thù lao cho các thành viên HĐQT & BKS kiêm nhiệm được hạch toán vào chi phí. Thù lao cho các thành viên HĐQT & BKS không kiêm nhiệm được chi trả từ lợi nhuận sau thuế.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



CÔNG TY CỔ PHẦN
GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----o0o-----

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 4 năm 2014

TỜ TRÌNH

(v/v Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty)

Kính trình : Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Điều 111 Luật Doanh nghiệp năm 2005;
- Căn cứ Điều 26.1, Điều lệ Công ty cổ phần Giống cây trồng miền Nam, về việc Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm Tổng Giám đốc phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Để tổ chức thực hiện phương hướng, nhiệm vụ SXKD, các dự án đầu tư XDCB của Công ty năm 2014. Căn cứ tình hình cụ thể của Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn chấp thuận Chủ tịch HĐQT được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



CÔNG TY CỔ PHẦN
GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----o0o-----

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 4 năm 2014

TỜ TRÌNH

(V/v: Ủy quyền lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2014)

Kính trình : Đại hội đồng Cổ đông thường niên

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Giống cây trồng Miền Nam.(SSC)
- Căn cứ Quyết định 89/2007/QĐ-BTC, ngày 24/10/2007 của Bộ Tài Chính ban hành qui chế lựa chọn công ty kiểm toán được chấp thuận cho tổ chức phát hành tổ chức niêm yết hoặc tổ chức kinh doanh chứng khoán.
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2012 ngày 27/4/2013 đã ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán kiểm toán năm tài chính 2013, nay HĐQT báo cáo với đại hội như sau:

Hội đồng quản trị đã xét chọn Công ty kiểm toán Ernst & Young (E & Y) và thông báo đến Ban Tổng Giám đốc SSC ký kết hợp đồng kiểm toán năm tài chính 2013, theo Hợp đồng số 61000411- 16363943 ngày 05/07/2013, hợp đồng đã thực hiện, đạt yêu cầu chất lượng và đã thanh lý với mức phí : **450.000.000 đồng (bao gồm VAT)**

HĐQT kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông biểu quyết **ủy quyền HĐQT** lựa chọn một trong những công ty kiểm toán theo danh sách được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho phép kiểm toán các công ty niêm yết, để **kiểm toán báo cáo tài chính của SSC năm 2014 như sau :**

1. **CÔNG TY TNHH ERNST&YOUNG VIỆT NAM**, Địa chỉ : 28th Floor, Bitexco Financial Tower 2 Hải Triều, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh

(Theo Quyết định số 966/QĐ-UBCK ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước)

2. **CÔNG TY TNHH KPMG**, Địa chỉ : Lầu 10th, Tòa nhà Sunwah 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh. Việt Nam

(Theo Quyết định số 974/QĐ-UBCK ngày 23 tháng 11 năm 2012 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước)

3. **CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**, Địa chỉ : 22-36 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh

(Theo Quyết định số 983/QĐ-UBCK ngày 26 tháng 11 năm 2012 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước)

4. **CÔNG TY TNHH PRICEWATERHOUSECOOPERS VIỆT NAM**, Địa chỉ : Lầu 4, Saigon Tower 29 Lê Duẩn, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

(Theo Quyết định số 982/QĐ-UBCK ngày 26 tháng 11 năm 2012 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước)

Kính trình Đại hội Đồng cổ đông xem xét biểu quyết thông qua.

Trân trọng!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Hàng Phi Quang



Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 61000411/16363943 - HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam và các công ty con ("Nhóm Công ty"), được lập ngày 7 tháng 3 năm 2014 và được trình bày từ trang 5 đến trang 35, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Mai Việt Hồng Trần
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán:
0048-2013-004-1

Hàng Nhật Quang
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán:
1772-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 7 tháng 3 năm 2014

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		363.176.779.993	352.854.260.107
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	25.952.131.178	43.083.964.747
111	1. Tiền		19.940.464.478	26.872.271.347
112	2. Các khoản tương đương tiền		6.011.666.700	16.211.693.400
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		365.000.000	415.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		365.000.000	415.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		129.324.140.290	100.388.748.148
131	1. Phải thu khách hàng		109.957.049.880	81.094.060.626
132	2. Trả trước cho người bán		16.030.777.305	16.012.087.596
135	3. Các khoản phải thu khác	5	4.922.880.531	4.254.194.187
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.586.567.426)	(971.594.261)
140	IV. Hàng tồn kho	6	195.714.196.848	195.713.847.104
141	1. Hàng tồn kho		196.672.321.399	196.845.863.967
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(958.124.551)	(1.132.016.863)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		11.821.311.677	13.252.700.108
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.939.371.703	968.676.758
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		4.315.043.392	616.892.470
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		37.973.705	730.797.257
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		5.528.922.877	10.936.333.623
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		104.916.958.591	71.162.721.847
220	I. Tài sản cố định		96.762.552.820	68.371.942.333
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	59.266.605.344	30.602.965.321
222	Nguyên giá		104.149.242.009	71.993.004.058
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(44.882.636.665)	(41.390.038.737)
227	2. Tài sản cố định vô hình	8	37.477.402.021	37.755.713.376
228	Nguyên giá		40.938.999.233	40.924.453.793
229	Giá trị khấu trừ lũy kế		(3.461.597.212)	(3.168.740.417)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		18.545.455	13.263.636
260	II. Tài sản dài hạn khác		7.050.243.299	1.502.589.963
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	5.235.105.354	1.118.014.381
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	20.3	1.815.137.945	255.935.582
268	3. Tài sản dài hạn khác		-	128.640.000
269	III. Lợi thế thương mại	10	1.104.162.472	1.288.189.551
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		468.093.738.584	424.016.981.954

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		166.647.213.556	155.251.033.463
310	I. Nợ ngắn hạn		165.206.127.345	152.947.441.044
311	1. Vay ngắn hạn	11	32.251.298.140	12.526.000.000
312	2. Phải trả người bán		69.219.199.992	97.992.933.899
313	3. Người mua trả tiền trước		1.566.304.933	1.414.815.236
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	1.018.753.177	4.367.761.845
315	5. Phải trả người lao động	13	2.483.080.874	9.765.868.589
316	6. Chi phí phải trả		7.470.407.549	1.163.511.434
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	14	43.431.287.795	20.478.892.360
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		7.765.794.885	5.237.657.681
330	II. Nợ dài hạn		1.441.086.211	2.303.592.419
333	1. Phải trả dài hạn khác	15	1.122.829.265	904.442.733
334	2. Vay dài hạn		-	520.892.740
339	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		318.256.946	878.256.946
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	16	300.442.526.784	267.716.176.241
410	I. Vốn chủ sở hữu		300.442.526.784	267.716.176.241
411	1. Vốn cổ phần		149.923.670.000	149.923.670.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		8.520.414.412	8.035.794.412
414	3. Cổ phiếu quỹ		(817.291.640)	(332.671.640)
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		69.635.542.187	58.025.771.881
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		14.986.770.145	15.976.217.258
420	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		58.193.421.680	36.087.394.330
439	C. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		1.003.998.244	1.049.772.250
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		468.093.738.584	424.016.981.954

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Nợ khó đòi đã xử lý (đồng Việt Nam)	388.967.532	316.726.772
2. Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ (US\$)	84.924	4.583
- Euro (EUR)	250	702


Lê Quang Hồng
Người lập


Lê Tôn Hùng
Kế toán trưởng


Hàng Phi Quang
Tổng Giám đốc

Ngày 7 tháng 3 năm 2014

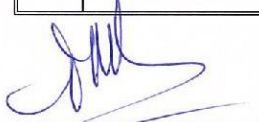
Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.1	654.847.039.170	492.693.334.868
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	17.1	(51.766.129.488)	(33.524.494.544)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.1	603.080.909.682	459.168.840.324
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	19	(442.347.883.143)	(310.379.214.425)
20	5. Lợi nhuận gộp		160.733.026.539	148.789.625.899
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	17.2	2.593.332.819	3.117.641.893
22	7. Chi phí tài chính	18	(6.337.210.343)	(1.017.542.676)
23	- Trong đó: chi phí lãi vay		(4.420.001.086)	(1.025.406.149)
24	8. Chi phí bán hàng	19	(44.738.610.695)	(37.132.873.505)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	(35.211.350.206)	(33.777.414.324)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		77.039.188.114	79.979.437.287
31	11. Thu nhập khác		731.714.869	481.432.109
32	12. Chi phí khác		(434.346.506)	(205.684.128)
40	13. Lợi nhuận khác		297.368.363	275.747.981
50	14. Tổng lợi nhuận trước thuế		77.336.556.477	80.255.185.268
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	20.2	(1.895.917.306)	(12.463.536.680)
52	16. Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	20.3	1.559.202.363	15.769.943
60	17. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		76.999.841.534	67.807.418.531
61	Trong đó:			
62	Phần thuộc các cổ đông thiểu số		(45.774.006)	(343.284.319)
	Lãi thuộc về các cổ đông của công ty mẹ		77.045.615.540	68.150.702.850
70	18. Lãi cơ bản và suy giảm trên mỗi cổ phiếu	22	5.150	4.577


Lê Quang Hồng
Người lập


Lê Tôn Hùng
Kế toán trưởng


Hàng Phi Quang
Tổng Giám đốc

Ngày 7 tháng 3 năm 2014

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lợi nhuận trước thuế		77.336.556.477	80.255.185.268
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và khấu trừ	7, 8, 10	6.725.436.760	7.208.282.335
03	Các khoản dự phòng		441.080.853	(1.798.708.583)
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		468.511.502	158.315.965
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.711.592.059)	(3.081.629.312)
06	Chi phí lãi vay	18	4.420.001.086	1.025.406.149
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		87.679.994.619	83.766.851.822
09	Tăng các khoản phải thu		(27.058.503.042)	(41.999.062.895)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		173.542.568	(95.745.824.281)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(30.318.492.870)	53.543.046.520
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(4.339.496.024)	1.463.910.881
13	Tiền lãi vay đã trả		(4.420.001.086)	(1.025.406.149)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	20.2	(5.509.673.464)	(10.350.468.352)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		9.805.027.300	92.560.000
16	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(14.187.978.594)	(4.509.107.612)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		11.824.419.407	(14.763.500.066)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi mua sắm tài sản cố định		(34.985.347.857)	(3.409.393.036)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		402.597.273	70.000.000
23	Tiền chi cho vay		-	(215.000.000)
27	Tiền lãi và cổ tức đã nhận		1.376.254.727	3.395.490.678
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(33.206.495.857)	(158.902.358)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ tái phát hành cổ phiếu quỹ		-	6.300.833.000
33	Tiền vay ngắn hạn		213.131.664.670	37.900.000.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(193.927.259.270)	(26.871.000.000)
36	Cổ tức đã trả		(14.946.363.200)	(29.585.477.200)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		4.258.042.200	(12.255.644.200)

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Giảm tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(17.124.034.250)	(27.178.046.624)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	4	43.083.964.747	70.262.011.371
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(7.799.319)	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	25.952.131.178	43.083.964.747



Lê Quang Hồng
Người lập



Lê Tôn Hùng
Kế toán trưởng



Hàng Phi Quang
Tổng Giám đốc

Ngày 7 tháng 3 năm 2014



Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 61000411/16363943

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam ("Công ty"), được lập ngày 6 tháng 3 năm 2014 và được trình bày từ trang 5 đến trang 34, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

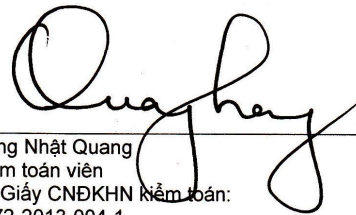
Vấn đề khác

Như được trình bày tại Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng kèm theo, Công ty là công ty mẹ có các công ty con và Công ty đang trong quá trình hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành. Người sử dụng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Mai Việt Hồng Trần
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán:
0048-2013-004-1


Hàng Nhật Quang
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán:
1772-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 6 tháng 3 năm 2014

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		358.791.974.058	349.093.301.439
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	25.630.350.942	42.747.476.738
111	1. Tiền		19.618.684.242	26.535.783.338
112	2. Các khoản tương đương tiền		6.011.666.700	16.211.693.400
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	365.000.000	1.208.626.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		1.489.287.000	2.091.272.300
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn		(1.124.287.000)	(882.646.300)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		131.108.380.345	98.826.994.837
131	1. Phải thu khách hàng	6	111.697.192.761	79.309.430.039
132	2. Trả trước cho người bán		16.030.777.305	15.799.587.596
135	3. Các khoản phải thu khác	7	5.319.603.352	4.594.968.913
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.939.193.073)	(876.991.711)
140	IV. Hàng tồn kho	8	190.073.706.208	193.452.632.826
141	1. Hàng tồn kho		190.651.072.618	194.541.133.290
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(577.366.410)	(1.088.500.464)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		11.614.536.563	12.857.571.038
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.939.371.703	968.676.758
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		4.280.229.661	616.892.470
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		33.397.221	705.655.631
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	9	5.361.537.978	10.566.346.179
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		104.495.746.640	69.878.741.008
220	I. Tài sản cố định		94.792.741.128	66.006.927.580
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	57.296.793.652	28.239.409.516
222	Nguyên giá		99.240.078.583	65.678.850.412
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(41.943.284.931)	(37.439.440.896)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	37.477.402.021	37.754.254.428
228	Nguyên giá		40.938.999.233	40.913.949.233
229	Giá trị khấu trừ lũy kế		(3.461.597.212)	(3.159.694.805)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		18.545.455	13.263.636
250	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	3.067.843.015	2.662.139.112
251	1. Đầu tư vào công ty con		7.549.764.000	7.549.764.000
259	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(4.481.920.985)	(4.887.624.888)
260	III. Tài sản dài hạn khác		6.635.162.497	1.209.674.316
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	5.073.018.756	1.012.900.966
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	23.3	1.562.143.741	196.773.350
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		463.287.720.698	418.972.042.447

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B01-DN

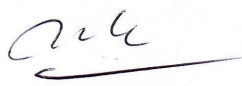
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		163.221.254.413	152.784.779.870
310	I. Nợ ngắn hạn		161.909.897.966	150.598.536.783
311	1. Vay ngắn hạn	14	32.251.298.140	12.526.000.000
312	2. Phải trả người bán		66.876.394.336	97.439.219.293
313	3. Người mua trả tiền trước		1.566.304.933	1.271.375.236
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	611.456.173	4.029.095.021
315	5. Phải trả người lao động		2.438.418.370	9.735.368.589
316	6. Chi phí phải trả	16	7.199.723.549	5.273.934
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	43.207.732.980	20.366.272.429
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		7.758.569.485	5.225.932.281
330	II. Nợ dài hạn		1.311.356.447	2.186.243.087
333	1. Phải trả dài hạn khác		993.099.501	787.093.401
334	2. Vay dài hạn	18	-	520.892.740
339	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		318.256.946	878.256.946
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	19	300.066.466.285	266.187.262.577
410	I. Vốn chủ sở hữu		300.066.466.285	266.187.262.577
411	1. Vốn cổ phần		149.923.670.000	149.923.670.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		8.520.414.412	8.035.794.412
414	3. Cổ phiếu quỹ		(817.291.640)	(332.671.640)
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		69.635.542.187	58.025.771.881
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		14.992.367.000	15.981.814.113
420	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		57.811.764.326	34.552.883.811
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		463.287.720.698	418.972.042.447

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Nợ khó đòi đã xử lý (đồng Việt Nam)	359.750.544	287.509.784
2. Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ (US\$)	84.924	4.583
- Euro (EUR)	250	702


Lê Thanh Nhân
Người lập


Lê Tôn Hùng
Kế toán trưởng


Hàng Phi Quang
Tổng Giám đốc

Ngày 6 tháng 3 năm 2014

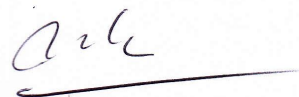
Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	644.489.367.500	479.486.183.325
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	(46.213.902.198)	(33.487.453.222)
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	598.275.465.302	445.998.730.103
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	(440.994.190.339)	(300.942.014.717)
20	5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ		157.281.274.963	145.056.715.386
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	2.590.585.124	3.351.460.795
22	7. Chi phí tài chính	21	(6.173.147.140)	(3.413.377.053)
23	- Trong đó: chi phí lãi vay		(4.420.001.086)	(1.025.406.149)
24	8. Chi phí bán hàng	22	(40.953.253.765)	(34.029.458.972)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(34.092.644.540)	(31.613.296.308)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		78.652.814.642	79.352.043.848
31	11. Thu nhập khác		222.870.000	162.463.927
32	12. Chi phí khác		(146.669.022)	(42.130.784)
40	13. Lợi nhuận khác		76.200.978	120.333.143
50	14. Tổng lợi nhuận trước thuế		78.729.015.620	79.472.376.991
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.2	(1.895.917.306)	(12.463.536.680)
52	16. Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	23.3	1.365.370.391	196.773.350
60	17. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		78.198.468.705	67.205.613.661



Lê Thanh Nhân
Người lập



Lê Tôn Hùng
Kế toán trưởng



Hàng Phi Quang
Tổng Giám đốc

Ngày 6 tháng 3 năm 2014

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

cho năm tài chính tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		78.729.015.620	79.472.376.991
	Lợi nhuận trước thuế			
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và khấu trừ	10, 11	6.450.725.190	6.305.624.561
03	Các khoản dự phòng		387.004.105	507.707.172
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	21	468.511.502	158.315.965
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.363.735.921)	(3.254.959.580)
06	Chi phí lãi vay	21	4.420.001.086	1.025.406.149
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		89.091.521.582	84.214.471.258
09	Tăng các khoản phải thu		(31.168.718.561)	(36.754.276.927)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		3.890.060.672	(100.520.972.368)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(31.294.052.738)	53.506.941.910
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(4.465.259.107)	1.255.340.290
13	Tiền lãi vay đã trả		(4.408.646.768)	(1.014.051.831)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	23.2	(5.509.673.464)	(10.350.468.352)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		9.755.027.300	56.550.000
16	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(14.183.478.594)	(4.509.107.612)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		11.706.780.322	(14.115.573.632)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi mua sắm tài sản cố định		(35.078.731.331)	(3.409.393.036)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		29.090.000	-
23	Tiền chi cho vay		(741.640.700)	(1.242.300.000)
24	Thu tiền cho vay		1.343.626.000	1.215.374.879
27	Tiền lãi và cổ tức đã nhận		1.373.507.032	2.943.192.085
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(33.074.148.999)	(493.126.072)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ tái phát hành cổ phiếu quỹ		-	6.300.833.000
33	Tiền vay ngắn hạn		213.131.664.670	37.900.000.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(193.927.259.270)	(26.871.000.000)
36	Cổ tức đã trả		(14.946.363.200)	(29.585.477.200)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		4.258.042.200	(12.255.644.200)

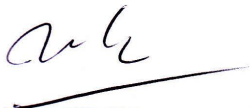
Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Giảm tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(17.109.326.477)	(26.864.343.904)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	4	42.747.476.738	69.611.820.642
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(7.799.319)	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	25.630.350.942	42.747.476.738


Lê Thanh Nhân
Người lập


Lê Tôn Hùng
Kế toán trưởng


Hàng Phi Quang
Tổng Giám đốc

Ngày 6 tháng 3 năm 2014



CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM
SOUTHERN SEED CORPORATION (SSC)
282 Lê Văn Sỹ, P.1 - Q.Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (08) 39911945-38442414 – Fax: 38442387 - Email: southernseed@hcm.vnn.vn



GIẤY ỦY QUYỀN
(tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013)

Tên cá nhân/tổ chức (*) :

Địa chỉ :

Số CMND/Passport.....cấp ngày...../...../.....tại.....

Mã số cổ đông :số cổ phần sở hữu:

(Mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu)

Nay ủy quyền cho ông/bà:

Địa chỉ :

Số CMND/Passpot.....cấp ngày...../...../.....tại.....

Người nhận ủy quyền được tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2013 (ngày 26/4/2014) của Công ty cổ phần Giống cây trồng miền Nam (SSC) và có đủ tư cách cổ đông thực hiện quyền phát biểu và biểu quyết/ bỏ phiếu trực tiếp các nội dung thảo luận và thông qua tại Đại hội.

Người nhận ủy quyền
(ký, ghi rõ họ tên)

.....ngày.....tháng 4 năm 2014

Người ủy quyền
(ký, ghi rõ họ tên)

*** Ghi chú:**

- (*) Nếu cổ đông là tổ chức thì ghi tên tổ chức, địa chỉ và Người đại diện theo pháp luật ký tên đóng dấu;
- Người nhận ủy quyền tham dự Đại hội mang theo Giấy ủy quyền & CMND/passport (bản chính) trình cho bộ phận kiểm tra tư cách cổ đông;
- Nếu cổ đông không thể tham dự cuộc họp có thể ủy quyền cho người khác hoặc ủy quyền cho 01 (một) trong những thành viên HĐQT có tên dưới đây:

- | | |
|----------------------|---------------------|
| 1. Hàng Phi Quang | - Chủ tịch HĐQT |
| 2. Nguyễn Thanh Tùng | - Phó Chủ tịch HĐQT |
| 3. Nguyễn Tiến Hiệp | - Ủy viên HĐQT |
| 4. Quốc Hồ Đình Tuấn | - Ủy viên HĐQT |
| 5. Nguyễn Quốc Vọng | - Ủy viên HĐQT |